

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PHAN THỊ THANH HƯƠNG

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM CỦA KHÔNG TỬ
VỀ GIÁO DỤC VÀO VIỆC GIÁO DỤC VÀ
RÈN LUYỆN HỌC SINH Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

2013 | PDF | 89 Pages
buihuuhanh@gmail.com

LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Đà Nẵng – Năm 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

PHAN THỊ THANH HƯƠNG

**VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM CỦA KHÔNG TỬ
VỀ GIÁO DỤC VÀO VIỆC GIÁO DỤC VÀ RÈN
LUYỆN HỌC SINH Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

**Chuyên ngành : Triết học
Mã số : 60.22.80**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

**Người hướng dẫn khoa học:
PGS.TS. Nguyễn Tấn Hùng**

Đà Nẵng – Năm 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi

*Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được
ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác*

Tác giả luận văn

Phan Thị Thanh Hương

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
4. Phương pháp nghiên cứu.....	2
5. Bố cục của đề tài:.....	3
6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu.....	3
CHƯƠNG 1. QUAN ĐIỂM CỦA KHÔNG TỬ VỀ GIÁO DỤC	7
1.1. KHÔNG TỬ - VẠN THỂ SỰ BIỂU.....	7
1.2. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG QUAN ĐIỂM CỦA KHÔNG TỬ VỀ GIÁO DỤC.....	10
1.2.1. Về mục đích giáo dục.....	12
1.2.2. Về đối tượng giáo dục.....	16
1.2.3. Về nội dung giáo dục.....	19
1.2.4. Về phương pháp giáo dục.....	25
Tiểu kết chương 1.....	30
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC VÀ RÈN LUYỆN CỦA HỌC SINH Ở NƯỚC TA HIỆN NAY	32
2.1. TÌNH HÌNH GIÁO DỤC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY.....	32
2.1.1. Những thành tựu đạt được:.....	33
2.1.2. Những bất cập, yếu kém trong giáo dục:.....	38
2.2. TÌNH HÌNH HỌC TẬP VÀ RÈN LUYỆN CỦA HỌC SINH NƯỚC TA HIỆN NAY.....	41
2.2.1. Tình hình học tập của học sinh hiện nay.....	41
2.2.2. Tình hình rèn luyện của học sinh hiện nay.....	43

2.3. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG HẠN CHẾ TRONG HỌC TẬP VÀ RÈN LUYỆN CỦA HỌC SINH.....	45
2.3.1. Nguyên nhân khách quan.....	45
2.3.2. Nguyên nhân chủ quan	48
Tiểu kết chương 2	48
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM KẾ THỪA QUAN ĐIỂM GIÁO DỤC CỦA KHÔNG TỬ ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC, RÈN LUYỆN HỌC SINH Ở NƯỚC TA HIỆN NAY	50
3.1. KẾ THỪA QUAN ĐIỂM GIÁO DỤC CỦA KHÔNG TỬ TRONG GIÁO DỤC HỌC SINH Ở NƯỚC TA HIỆN NAY	50
3.1.1. Kế thừa mục đích giáo dục của Không Tử.....	50
3.1.2. Kế thừa đối tượng giáo dục của Không Tử	52
3.1.3. Kế thừa nội dung giáo dục của Không Tử.....	53
3.1.4. Kế thừa phương pháp dạy học của Không Tử.....	61
3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CỦA GIÁO DỤC VÀ RÈN LUYỆN CỦA HỌC SINH Ở NƯỚC TA.....	67
3.2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng giải pháp.....	67
3.2.2. Một số giải pháp cụ thể.....	70
Tiểu kết chương 3	78
KẾT LUẬN.....	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	80
QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN (bản sao)	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Lịch sử hình thành và phát triển của Nho giáo với nội dung, tính chất và vai trò lịch sử của nó luôn là đề tài hấp dẫn đối với những nhà nghiên cứu. Có thể khẳng định rằng, một học thuyết ra đời cách đây hơn 2.500 năm đã được sự kiểm chứng bởi thời gian thì giá trị của nó về mặt lý luận và thực tiễn là điều chúng ta hết sức quan tâm. Một trong số những vấn đề nổi bật đó là triết lý giáo dục của Khổng Tử.

Khổng tử là người được tôn xưng là "Vạn thế sư biểu" - Người thầy của muôn đời. Tư tưởng của ông cần được kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống của nó, trong đó, việc kế thừa và vận dụng những quan điểm về giáo dục của ông có ý nghĩa quan trọng nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay, thực hiện Nghị quyết Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về việc phát triển con người Việt Nam toàn diện với tư cách là "động lực của sự nghiệp xây dựng xã hội mới đồng thời là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội". Đó là "con người phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức". Để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay, nhà giáo dục hiện đại có thể kế thừa và vận dụng những quan điểm của các nhà giáo dục tiền bối vào công tác giáo dục của mình, trong đó không thể thiếu những tư tưởng của nhà giáo dục lớn của phương Đông - Khổng Tử.

Đặc biệt, trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa của đất nước hiện nay, nhân tố con người và việc phát huy vai trò năng động chủ quan của con người là điều kiện tiên quyết để phát triển đất nước. Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định "giáo dục là quốc sách hàng đầu". Giáo dục và đào tạo ở nước ta hiện nay đang có những vấn đề bức xúc trước đòi hỏi của sự phát triển và hội

nhập. Một trong những vấn đề bức xúc đó là việc tìm tòi và vận dụng một triết lý thích hợp cho nền giáo dục mới, vừa phát huy được kinh nghiệm truyền thống của dân tộc, vừa mang tính hiện đại để sánh vai với các cường quốc trên thế giới. Nền giáo dục phong kiến Việt Nam đã có hàng ngàn năm theo Nho học. Mặc dù, quan điểm giáo dục và đào tạo con người của Nho giáo nói chung và của Khổng Tử nói riêng có những hạn chế nhất định, song vẫn có mặt tích cực.

Do vậy, việc đi sâu nghiên cứu những quan điểm của Khổng Tử về giáo dục là hết sức cần thiết và có ý nghĩa to lớn đối với việc giáo dục con người ở nước ta hiện nay, đặc biệt là thế hệ trẻ. Chính vì lẽ đó, tôi chọn đề tài: “*Vận dụng quan điểm của Khổng Tử về giáo dục vào việc giáo dục và rèn luyện học sinh ở nước ta hiện nay*” làm đề tài nghiên cứu.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu quan điểm của Khổng Tử về giáo dục để kế thừa những yếu tố tích cực của nó và vận dụng vào việc giáo dục và rèn luyện học sinh ở nước ta hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Học sinh ở nước ta hiện nay.

Phạm vi nghiên cứu: Vận dụng quan điểm của Khổng Tử về giáo dục vào việc giáo dục và rèn luyện học sinh ở nước ta.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận của đề tài nghiên cứu là các nguyên tắc cơ bản của phép biện chứng duy vật: nguyên tắc khách quan, nguyên tắc toàn diện, nguyên tắc phát triển, nguyên tắc lịch sử cụ thể, nguyên tắc thực tiễn.

- Luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp phân tích và tổng hợp, đối chiếu, so sánh, trừu tượng và cụ thể, lôgic và lịch sử, kết hợp giữa cái phổ biến và cái đặc thù...

5. Bố cục của đề tài:

Ngoài phần Mở đầu, phần Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo; phần Nội dung của đề tài gồm có 3 chương, 6 tiết.

Chương 1: Quan điểm của Khổng Tử về giáo dục

Chương 2: Thực trạng giáo dục và rèn luyện của học sinh ở nước ta hiện nay

Chương 3: Một số giải pháp nhằm kế thừa quan điểm giáo dục của Khổng Tử để nâng cao chất lượng giáo dục, rèn luyện học sinh ở nước ta hiện nay.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Nghiên cứu về Khổng Tử, từ trước đến nay đã có nhiều tác giả với nhiều công trình nghiên cứu được đánh giá cao. Đa phần các công trình nghiên cứu đều tập trung vào các vấn đề về đạo đức, đường lối chính trị, vấn đề nhân, lễ của Nho giáo và ảnh hưởng của Nho giáo vào nước ta ... Có thể kể các công trình tiêu biểu như:

Tác giả Trần Trọng Kim với cuốn “*Nho giáo*”, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1990 ; Nguyễn Tài Thư (chủ biên) trong cuốn “*Ảnh hưởng của các hệ tư tưởng và tôn giáo vào con người Việt Nam hiện nay*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997; Vi Chính Thông “*Nho giáo với Trung Quốc ngày nay*”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996; Đồng Thư Nghiệp, “*Nghiên cứu tư tưởng Khổng Tử*”, Tư liệu viện Triết học; Quang Đạm , “*Nho giáo xưa và nay*”, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1999. Các tác giả đã cung cấp cho độc giả cái nhìn toàn diện hơn về Nho giáo và những ảnh hưởng của nó trong xã hội.

Tác giả Nguyễn Hiến Lê, cũng đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về Nho giáo, như : “*Khổng Tử, Luận ngữ*”, Nxb Văn hóa, 1992 , *Đại cương triết học Trung Quốc*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Trong đó, tác giả đã có đề cập đến quan điểm giáo dục của Nho giáo nói chung và của Khổng Tử nói riêng và phân tích những giá trị của nó.

Tác giả Nguyễn Đăng Duy với cuốn “*Nho giáo với văn hoá Việt Nam*”, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, năm 1998; Nguyễn Thế Long với “*Nho học ở Việt Nam – Giáo dục và thi cử*”, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999; Nguyễn Thị Nga – Hồ Trọng Hoài với “*Học thuyết chính trị xã hội của Nho giáo và ảnh hưởng của nó ở Việt Nam*”, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, 2007. Trong đó, các tác giả đã nhìn nhận và phân tích ảnh hưởng của Nho giáo đến văn hóa, xã hội Việt Nam qua các thời kỳ. Nho giáo có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống văn hóa người Việt, bên cạnh những ảnh hưởng tích cực; những nét tiêu cực của Nho giáo cũng được thể hiện. Bên cạnh đó, Nho giáo cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc giáo dục và thi cử ở nước ta qua các thời kỳ lịch sử. Đặc biệt là trong các triều đại phong kiến.

Tác giả Nguyễn Thanh Bình trong cuốn “*Quan niệm của nho giáo về giáo dục con người*”, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, 2003; Tác giả Nguyễn Thị Nga, Hồ Trọng Hoài trong cuốn “*Quan niệm của Nho giáo về giáo dục con người*”, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, 2003; Nguyễn Thị Tuyết Mai với “*Quan niệm của Nho giáo về con người và đào tạo con người*”, tài liệu viện Triết học, luận văn thạc sĩ. Các tác giả đã trình bày một cách có hệ thống quan niệm về giáo dục con người của Nho giáo phong kiến Trung Quốc, nghiên cứu những quan niệm của Nho giáo về giáo dục con người nói chung. Từ đó, đề cập đến việc giáo dục con người của Nho giáo trong xã hội phong kiến Việt Nam, phân tích những giá trị trong tư tưởng giáo dục của Nho giáo để có thể kế thừa và phát huy, góp phần xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bên cạnh đó, nghiên cứu về Nho giáo còn có nhiều tác giả khác cũng đã nghiên cứu với nhiều bài viết như:

Trần Văn Giàu với bài viết “*Đạo đức Nho giáo với đạo đức truyền thống Việt Nam*”, tạp chí Triết học, số 1, 1997 đã trình bày những nét tương đồng,

và khác biệt giữa đạo đức Nho giáo với đạo đức truyền thống Việt Nam.

Trần Quang Ánh với bài viết “*Kế thừa và phát triển quan điểm giáo dục của Khổng Mạnh trong một số nước phương Tây hiện đại*”, Tạp chí khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nẵng, số 3, 7/2004, đã nêu lên những giá trị tích cực cần phải được kế thừa và phát triển trong quan điểm giáo dục của Khổng, Mạnh. Bài viết cũng đã cho thấy những giá trị đó đã và đang được một số nước phương Tây hiện đại kế thừa và phát triển như thế nào.

Phan Văn Các trong các bài viết “*Việc nghiên cứu Khổng Tử và Nho giáo ở trung Quốc trong thập kỷ 80*”, Tạp chí Triết học, số 1; “*Nghiên cứu Nho giáo ở Việt Nam trong bối cảnh khu vực và thời đại*” đã cung cấp cho chúng ta cách nhìn nhận mới trong việc nghiên cứu Nho giáo ở Trung Quốc, cũng như ở Việt Nam. Trong quá trình nghiên cứu phải có “con mắt động” bởi lịch sử xã hội đã và đang thay đổi.

Phan Đại Doãn, “*Mấy vấn đề Nho học, Nho giáo ở miền Bắc Việt Nam từ nửa sau thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX*”, Tạp chí Triết học, số 2, 1996; tác giả Lê Văn Quán với các bài viết “*Bác Hồ với học thuyết Nho giáo*”, Tạp chí Cộng sản, số 12, tháng 6/1997; Chu dịch với “*Vấn đề lý luận đạo đức*”, Tạp chí Hán – Nôm, số 5, tháng 1/1997...

Xét một cách tổng thể, thì vấn đề quan điểm giáo dục của Khổng Tử cũng đã được quan tâm nghiên cứu ở nhiều góc độ khác nhau với nhiều công trình của các tác giả trong và ngoài nước, đem lại giá trị lý luận, thực tiễn hết sức phong phú.

Tuy nhiên, việc nghiên cứu quan điểm về giáo dục của Khổng Tử chưa được thực hiện một cách có hệ thống, nhất là chưa có những công trình nào đi sâu nghiên cứu vận dụng những giá trị trong quan điểm giáo dục của Khổng Tử vào sự nghiệp giáo dục ở nước ta. Chính vì vậy, chúng tôi chọn vấn đề tiếp tục đi sâu nghiên cứu các quan điểm giáo dục của Khổng Tử và ý nghĩa

của nó đối với việc giáo dục con người ở nước ta hiện nay, với mục đích tiếp thu và vận dụng những quan điểm tích cực phục vụ cho việc hoàn thiện nhân cách của mình, làm tròn nhiệm vụ giáo dục mà bản thân đang đảm trách, cũng như góp phần cùng với xã hội thực hiện tốt hơn nữa công tác giáo dục học sinh phổ thông hiện nay ở nước ta.

CHƯƠNG 1

QUAN ĐIỂM CỦA KHÔNG TỬ VỀ GIÁO DỤC

1.1. KHÔNG TỬ - VẠN THỂ SỰ BIỂU

Không Tử (551 - 479 TCN) tên thật là Không Khâu, tự là Trọng Ni, sinh tại ấp Trâu, làng Xương Bình, nước Lỗ (nay là huyện Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc). Không Tử sinh ra trong một gia đình quý tộc nhỏ sa sút. Ông là con của vợ bé trong một gia đình của một viên quan nhỏ. Cha Không Tử mất sớm – mất khi ông lên ba tuổi. Ông sống với mẹ trong cảnh nghèo khổ, phải làm lụng vất vả, nhưng ông rất chăm học và nổi tiếng là người hay chữ thông minh.

Năm 19 tuổi Không Tử lấy vợ và được bổ nhiệm chức quan nhỏ. Năm 22 tuổi, ông mở trường dạy học. Trong suốt 20 năm, từ năm 34 tuổi đến năm 51 tuổi ông dẫn học trò đi khắp mọi nơi để truyền bá tư tưởng của mình và tìm người sử dụng tư tưởng đó. Có nơi ông được trọng dụng nhưng cũng có nơi không. Năm 51 tuổi, ông quay về nước Lỗ, vua nước Lỗ mời ông ra làm quan ở huyện Trung Đô, một năm sau được phong chức đại tư khấu. Ông đã đặt ra pháp luật giúp người nghèo định việc quan, hội, tang tế rất minh bạch đem lại đời sống thái bình thịnh trị cho nhân dân, nhờ đó đã góp phần quan trọng giúp nước Lỗ trở nên thịnh trị, tuy nhiên do bị dèm pha nên ông từ chức và phải ra đi một lần nữa.

Không Tử đi chu du nhiều nước láng giềng nhằm mục đích cầu quan và hành đạo nhưng ông đã không tìm được minh chúa hợp với ý nguyện. Đến năm 68 tuổi, ông đã quay quê hương nước Lỗ tiếp tục dạy học và viết sách. Không Tử không trực tiếp viết sách để trình bày quan điểm lý luận của mình, vì ông quan niệm “thuật nhi bất tác” (chỉ thuật lại chứ không sáng tác). Bộ sách đồ sộ do chính Không Tử san định (sưu tập, biên soạn) chính là bộ “Ngũ

kinh” gồm 5 quyển sách: Kinh lễ, Kinh dịch, Kinh Xuân thu, Kinh thư, Kinh thi cũng được coi là những nội dung của học thuyết Nho giáo.

Tư tưởng của ông về sau được học trò ghi chép, biên soạn lại thành một cuốn sách gọi là “Luận ngữ”. “Luận ngữ” là cuốn sách ghi chép những lời nói, những câu chuyện hàm nghĩa giáo huấn sâu xa của ông đối với các đệ tử, cùng với nhiều ý kiến trao đổi của ông với học trò và những người đương thời liên quan tới kinh tế, chính trị, đạo đức, văn học, triết học. Luận ngữ là một cuốn sách này có giá trị tư tưởng rất cao và thường được coi là “Thánh kinh của người Trung Hoa” Người đời đã nâng học thuyết của Khổng Tử thành “khuôn vàng thước ngọc” của các triều đại phong kiến phương Đông và họ đã áp dụng nó trong việc trị nước an dân. Ông mất năm 479 TCN, thọ 72 tuổi.

Khổng Tử là một nhà giáo dục lớn được người Trung Hoa tôn là “Chí thánh tiên sư”, “Vạn thế sư biểu”. Bản thân Khổng Tử là một tấm gương sáng về giáo dục. Ông đã từng nhận mình là “học nhi tri chi”, tức là bản thân ông do học mà biết, do đó trong sách Luận ngữ ông viết: “Ta 15 tuổi chí thú ở việc học, 30 tuổi lập thân, 40 tuổi không nghi hoặc, 50 tuổi biết được mệnh trời, 60 tuổi tai thuận, 70 tuổi biết theo cái lòng mình thích mà không vượt qua khuôn khổ” (Luận ngữ, Vi chính, 4)¹.

Tư Mã Thiên đã từng nhận xét về Khổng Tử như sau:

Cái giống như núi cao khiến người ta chiêm ngưỡng, cái giống như đại Đạo khiến người ta tuân theo. Từ xưa tới nay trong thiên hạ, Quân Vương và người tài đức thì có cũng nhiều. Họ khi đang còn sống đều vinh hoa quý hiển, nhưng chết đi rồi thì chẳng còn lại chút gì. Khổng Tử là một người bình dân, nhưng những người đọc sách

¹ Sách Luận ngữ của Khổng Tử được nhiều nhà nghiên cứu Nho giáo Việt Nam dịch và chú giải, như Nguyễn Hiến Lê, Đoàn Trung Côn, v.v.. Tất cả đều thống nhất ở tên chương, tiết, ở phần chữ Hán và phiên âm Hán - Việt, tuy mỗi tác giả có cách dịch và chú giải khác nhau ra tiếng Việt. Trong chú thích của Luận văn này, từ thứ hai là tên chương trong Luận ngữ, con số (thứ ba) là tên tiết trong mỗi chương.

đều tôn ông làm thầy. Từ Thiên tử, Vương Hầu đến nhân dân cả nước, những ai nói về “Lục Nghệ” thì đều xem học thuyết ấy của Khổng Tử là chuẩn tắc cao nhất. Có thể nói Khổng Tử là một Thánh nhân chí cao vô thượng [55].

Hơn 2000 năm trước đây, Tư Mã Thiên đã dùng lời nhận định ấy khi nói về Khổng Tử nhưng đến tận bây giờ dù thời gian qua đi nhưng tinh thần ấy còn nguyên giá trị cho tới hôm nay.

Theo đánh giá của Tư Mã Thiên, số học trò của Khổng Tử có đến 3000 người trong đó có 70 người tinh thông lục nghệ. Trong Luận ngữ có ghi lại lời Nhan Uyên ngậm ngùi mà than rằng:

Đạo của thầy ngẩng lên càng thấy càng cao, cúi vào càng thấy càng bèn, nhìn nó ở đằng trước bỗng nó ở đằng sau. Thầy tuấn mà khéo léo dẫn dụ mọi người, làm rộng kiến thức của ta bằng văn chương, ước chế hành vi của ta bằng pháp lễ, ta muốn thôi cũng không được. Lúc nào ta hết khả năng, ta thấy dường như lại được tiếp sức (Luận ngữ, Tư Hãn, 10).

Cuộc đời của Khổng Tử là cuộc đời của một nhà giáo dục chân chính, một bậc thầy vĩ đại không phải là chỉ riêng Trung Hoa mà còn cho cả thế giới loài người nữa. Với Khổng Tử địa vị của ông thầy đã được người đời xưa nâng lên trên cả địa vị của ông cha trong gia đình. “Quân, Sư, Phụ” sau ông vua là đến ông thầy rồi sau hết mới đến ông cha. Người cha cũng có bổn phận dạy dỗ, giáo dục con cái của mình, nhưng trong xã hội xưa người dạy dỗ con mình nhiều nhất, người theo dõi, săn sóc, vun xới cái vườn kiến thức và đạo đức của con mình biến nó thành một vườn hoa tươi tốt người đó chính là ông thầy nó. Làm cho một người trở thành một người có kiến thức có đạo đức sống xứng đáng với ý nghĩa cao đẹp của con người đó là công của ông thầy, của người biết mang trong mình cái trọng trách “hồi nhân bất quyện” (dạy

người không biết mệt). Khổng Tử đã ý thức được sứ mạng cũng như thiên chức cao quý của một lương sư. Sứ mạng cũng như thiên chức đó là truyền bá cho người đời đạo làm người hay lễ lối sống thế nào để cho cá nhân, gia đình, quốc gia, xã hội loài người được tốt đẹp, trật tự, hòa bình. Hậu thế đã tôn sùng Ngài như bậc thầy của muôn đời, bậc “vạn thế sư biểu”, bởi chủ trương, đường lối, mục tiêu, phương pháp giáo dục của Ngài chứa đựng nhiều giá trị mà người đời sau phải công nhận và học hỏi.

Chính vì lẽ đó mà các triều đại phong kiến Trung Quốc đã phong Khổng Tử là tiên sư, Thánh sư và nhân dân Trung quốc cho ông là người thầy của muôn đời – “ Vạn thế sư biểu”. Từ năm 22 tuổi cho đến cuối đời, Khổng Tử “chẳng dám phong mình là thánh, chẳng dám coi mình là nhân nhưng quả là làm không biết chán, dạy không biết mỏi” (Luận ngữ, Thuật nhi, 33). Đặc biệt ông coi dạy học là một kế sinh nhai, vậy mà cả cuộc đời ông sống trong cảnh lận đận. Lịch sử ghi nhận Khổng Tử là người đầu tiên ở Trung Quốc mở trường dạy học, có thể nói ông đã mở “quan trường” và con số ba ngàn học trò của thầy Khổng đã cho thấy ông xứng đáng là một bậc thầy vĩ đại của nhân dân Trung Hoa nói riêng và thế giới nói chung.

Những tư tưởng của Khổng Tử có ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều quốc gia trên thế giới như: Việt Nam, Hàn Quốc, Nhật Bản... Ở Việt Nam một số triều đại đã lấy Nho giáo làm quốc giáo. Đặc biệt, quan điểm giáo dục của Khổng Tử có ảnh hưởng rất lớn đến chế độ học tập và thi cử ở nước ta không chỉ trong thời kì phong kiến, mà còn có ý nghĩa đến bây giờ. Văn miếu Quốc Tử Giám là một minh chứng cho điều đó.

1.2. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG QUAN ĐIỂM CỦA KHỔNG TỬ VỀ GIÁO DỤC

Cội nguồn xuất phát của tư tưởng giáo dục Khổng Tử chính là do tình hình loạn lạc, suy thoái về đạo đức xã hội của Trung Quốc lúc bấy giờ cho

nên muốn khôi phục lại xã hội, Khổng Tử chủ trương sử dụng con đường giáo dục. Ông nói “ngộ tông Chu” có nghĩa là theo nhà Chu, đó là một trật tự xã hội có đẳng cấp, có tôn ti trật tự được thiết lập không phải bằng bạo lực mà bằng những lễ nghi, những quy tắc đạo đức được mọi người thừa nhận và tự giác tuân theo, từ vua đến tôi ai ai cũng lấy chính danh làm chuẩn mực. Vì thế mà ông rất coi trọng giáo dục, phản đối bạo lực chiến tranh. Quan điểm đó chính là việc dùng “đức để trị”, đó là một tư tưởng mang đậm tinh thần nhân văn cao cả. Chính vì lẽ đó mà ông đã đưa ra một hệ thống các tư tưởng giáo dục nhằm giáo hóa cho dân chúng biết nhân nghĩa lễ chính danh.

Hạt nhân tư tưởng của Khổng Tử đề xướng và xuyên suốt truyền bá trong các lớp học trò là “nhân”. Trong cuốn “Luận ngữ” - một tác phẩm do học trò chép lại những lời dạy của Khổng Tử, có 109 lần Khổng Tử nói đến Nhân nhưng không lần nào giống lần nào. Tùy theo từng đối tượng, từng hoàn cảnh mà Khổng Tử đề cập đến Nhân theo những nghĩa khác nhau. Song nhìn chung, chữ nhân theo quan niệm của ông mang một ý nghĩa rộng lớn, gắn bó chặt chẽ với đạo - đạo đức - lòng yêu thương con người, yêu thương vạn vật.

Theo Khổng Tử, gốc của nhân là hiếu đễ, lễ nghĩa, trung thực, vị tha, xã thân cứu người như chính Khổng Tử đã nói:

Theo ta, người có đức nhân là: Bản thân mình muốn lập (đứng vững, lập thân, lập nghiệp) thì hãy giúp người khác cũng đứng vững như mình. Bản thân mình muốn đạt (thành công, thành đạt) thì hãy giúp người thành đạt. Đối xử với mình như thế nào thì đối xử với người cũng như thế (Kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân. Năng cận thù thí, khả vị nhân chi phương dã dĩ (Luận ngữ, Ung dã, 28).

Nhân theo Khổng Tử còn là: “Điều mình không muốn cho mình thì đừng làm cho người” (Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân) (Luận ngữ, Nhan Uyên, 2). Để

thực hiện được Nhân, Khổng Tử cho rằng con người phải có lễ. Lễ là các quy phạm đạo đức hợp thành một hệ thống qui tắc xử thế. Trong suốt cuộc đời làm thầy của mình, bên cạnh dạy chữ, bao giờ Khổng Tử cũng chú trọng vào dạy người, ở đây đề cao thuyết đức trị.

Từ nội dung của học thuyết mà Khổng Tử đã áp dụng vào giáo dục mang tính nhập thế và tích cực. Ông đề xướng “thuyết tôn hiền”. Những tư tưởng ấy của Khổng Tử trong bối cảnh rối ren của xã hội đương thời rất khó thực hiện, song đó là những quan điểm có giá trị được thế hệ sau kế thừa, phát triển và đến nay vẫn còn đáng trân trọng về đối tượng, mục đích, nội dung và cả phương pháp giáo dục.

1.2.1. Về mục đích giáo dục

Khổng Tử cho rằng mục đích đầu tiên của việc học là để có nhân cách tốt vì thế ông đã từng có quan niệm: “Tính tương cận dã, tập tương viễn dã” (Luận ngữ, Dương Hóa, 2) có nghĩa là tính con người thì gần nhau nhưng tập thì xa nhau. “Tính” có nghĩa là bản tính tự nhiên của con người, còn “tập” có nghĩa là sự rèn luyện. Theo ông bản tính con người khi mới sinh ra được trời phú là giống nhau, nhưng trong quá trình tiếp xúc, học tập, rèn luyện thì lại làm cho họ khác nhau, có người thiện, kẻ ác.

Chính vì vậy cần giáo dục để cho con người gần nhau, tức là để con người có nhân cách tốt, vậy mục đích giáo dục chính là sự giáo hóa ác thành thiện. Trong sách “Trung dung” có viết “giáo dục là tu sửa cái đạo làm người”, còn trong sách “Đại học” có viết “Đạo của đại học là ở chỗ làm sáng tỏ đức sáng”. “Tu sửa đạo” và “làm sáng tỏ đức sáng” chính là mục đích tối cao của giáo dục trong việc cải tạo bản tính. Khổng Tử quan niệm giáo dục không chỉ có tính chất mở mang tri thức mà còn mở rộng cả trí, tình và ý hay đó chính là việc giúp con người đạt tới nhân trí dũng, đạt tới con người đạo lý. Trong sách “Trung dung” viết: “từ sáng tỏ đến chỗ thành thật gọi là giáo dục”

hay trong “Luận ngữ” viết: “Người quân tử học để có được đạo lý”. Ông cũng từng nói rằng: “Con người bằng nỗ lực chủ quan của mình cũng có thể làm thay đổi cái thiên tính ban đầu”.

Mục đích giáo dục thứ hai mà Khổng Tử đề cập tới là học để ứng dụng cho có ích với đời, với xã hội, chứ không phải để làm quan sang bổng lộc “học chỉ dĩ dụng”. Theo ông, học mà không ứng dụng, không đưa tài học giúp nước thì xem như vô ích. Ông nói:

Như có ai đã học thuộc hết ba trăm thiên trong kinh thi, được bực quốc - trưởng trao quyền hành chính cho mình, nhưng cai trị chẳng xuôi; được phái đi sứ đến các nước ở bốn phương, nhưng tự mình chẳng có tài ứng đối; người ấy dẫu học nhiều, nhưng có biết dùng tài học của mình chẳng? (Tụng thi tam bá, thọ chi dĩ chính, bất đạt; sứ ư tứ phương, bất năng chuyên đối; tuy đa, diệc hề dĩ vi?) [18, tr. 200 - 201].

Khổng Tử có lần nói với học trò như sau: Người ham đức nhân mà không học sẽ bị ngu tối che lấp; ham trí mà không hiểu học sẽ bị mông lung che lấp; ưa tín thực mà không hiểu học sẽ bị cái tổn hại che lấp; hiểu trực mà không hiểu học sẽ bị cái nóng nảy che lấp, hiểu dũng mà không hiểu học sẽ bị phân loạn che lấp; hiểu cương nghị mà không ham học hỏi bị cuồng bạo che lấp. Chính vì điều đó mà ông khuyên học trò phải siêng năng học tập để ứng dụng vào cuộc sống, để biết được điều hay lẽ phải để cư xử với mọi người cho đúng đắn, cho có ích với xã hội. Lễ được dùng như là sự khởi đầu của sự đảm bảo các trật tự, rồi từ đó đến với nhạc như là một bước đi tuyệt đỉnh cho sự hài hòa êm ái du dương của mọi trật tự xã hội.

Theo lời Khổng Tử nói: Ta đi học là học cho ta, để gây nên cái phẩm giá của ta, chứ có phải học để khoe với người đâu. Ta chỉ lo không làm được những việc đáng cho người ta biết, chứ không lo người ta không biết mình.

Ông cũng chủ trương rằng: học mà không chủ cầu danh, cầu lợi thì mới thật là cái học của người quân tử. Chính vì vậy ông giáo dục các học trò phải học và hành thật chu đáo, trước hết là để phục vụ cho bản thân mình, biết làm việc và biết hành xử đúng đắn. Như thế thì việc học mới có ích và mới phát huy tác dụng.

Mục đích thứ ba mà Khổng Tử đề cập tới là học để tìm tòi đạo lý, có được cái đạo làm người. Ông đã định nghĩa “giáo dục là tu sửa cái đạo làm người”. Ông đã diễn tả lòng mình về đạo lý như sau “sớm nghe đạo lý, tối chết cũng cam lòng”? (Triều văn đạo, tịch tử, khả hĩ) (Luận Ngữ, Lý nhân, 8). Cái đạo lý của Khổng Tử được hiểu không thuần túy là đạo đức, là cách ứng xử mà trong đó bao chứa một nội dung chính trị lớn lao với triết lý nhân sinh cao cả, lấy đạo đức làm nền tảng. Bởi vậy lý tưởng cao nhất của đạo lý Khổng Tử là giáo dục con người có nhân cách để phụng sự nền chính trị phong kiến.

Chính vì thế mà con người muốn có nhân trước hết phải học đạo để biết phép tắc lễ phải, luân thường đạo lý để tu sửa rèn luyện bản thân để trở thành người tốt, có đạo đức. Khổng Tử gọi những người học đạo, đọc sách thánh hiền là kẻ sĩ. Vì kẻ sĩ là người vừa có nhân cách vừa có tri thức góp phần lãnh đạo xã hội. Một mặt họ là người đắc lực trong việc giúp vua an dân, mặt khác họ là những gương sống mẫu mực trong hành đạo, uy danh của họ lan tỏa xung quanh góp phần ổn định trật tự xã hội nơi gia đình, làng xóm. Vì đạo cốt ở sự giáo hóa khiến người ta phải “tu thân dĩ đạo, tu đạo dĩ nhân” có nghĩa là lấy đạo mà sửa mình, lấy nhân để sửa đạo [31, tr. 98].

Vì lễ đạo lý là tiền đề, là điều kiện quan trọng để hình thành và hoàn thiện đạo đức của con người, và góp phần vào việc củng cố duy trì trật tự kỷ cương và ổn định xã hội. Theo quan điểm Nho giáo có như vậy thì mỗi người mới có đạo đức nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, mới bảo tồn được tính thiện, trừ bỏ

được tính ác để “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Nhưng để đạt được mục đích cuối cùng này thì mọi người trong thiên hạ từ Thiên tử đến thường dân phải tận tâm trong việc “tu thân”. Như sách “Đại học” đã chỉ rõ: “Từ Thiên tử cho đến kẻ thứ dân, tất cả đều lấy việc sửa mình làm gốc”. Hơn nữa học đạo lý và thực hành đạo lý đóng vai trò quan trọng trong việc tạo lập ra mẫu người lý tưởng và góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp.

Hơn nữa, mục đích giáo dục của Khổng Tử còn là đào tạo, bồi dưỡng người “nhân”, “quân tử” để làm quan, “khôi phục lễ nghĩa” trong xã hội đầy rối ren. Xét về mặt chính trị, quan điểm của Khổng Tử về cơ bản là bảo thủ, ít tiến bộ, nhưng về giáo dục thì mang tính tiến bộ và vượt thời đại.

Theo Khổng Tử học để làm người quân tử với chí khí của bậc đại trượng phu – hình mẫu của con người trong xã hội phong kiến. Người quân tử trước hết phải tu dưỡng đạo đức thì mới có thể làm việc lớn. Khổng Tử quan niệm: “người quân tử ăn không được đầy đủ, ở không được yên vui, làm việc siêng năng và thận trọng với lời nói, tìm người đạo đức để sửa mình; như vậy mới được coi là người ham học” [37, tr. 33].

Khổng Tử không chỉ quan tâm đến việc nuôi dân, dưỡng dân mà còn quan tâm đến việc giáo hóa dân. Nuôi dân, dưỡng dân là chăm lo về đời sống vật chất, giáo dân là lo cho dân về đời sống tinh thần. Khổng Tử đòi hỏi nhà cầm quyền chăm lo tới việc dạy dân ngang với việc nuôi dân. Zhou Nanfao đã nhận định rằng:

Trong khi lý thuyết về đạo Khổng chú trọng giáo dục đạo đức cá nhân thì trong thực tế nó quan tâm nhiều hơn đến việc chọn lọc và chuẩn bị một tầng lớp ưu tú cầm quyền. Người cai trị học cách chăm sóc người dân, còn người dân học cách vâng lời người cai trị [54, tr. 33].

Như vậy, quan điểm giáo dục của Khổng Tử thể hiện lập trường giai cấp rất rõ ràng. Quan điểm giáo dục của Khổng Tử hướng tới mục tiêu cao nhất là “trị quốc, bình thiên hạ”.

Với những quan điểm trên, giáo dục góp phần làm nên bản chất xã hội của con người. Với mục đích giáo dục này, Khổng Tử đã thể hiện tư tưởng vượt thời đại, một xã hội muốn phát triển vững mạnh phải có con người đủ đức, đủ tài. Tuy nhiên, mục đích giáo dục của Khổng Tử là nhằm thực hiện mục đích chính trị của Nho gia, đó là đường lối đức trị, là thể hiện tư tưởng thân dân của nhà cầm quyền. Bởi vì người làm quan có giáo dục sẽ hiểu được chức phận của mình không làm điều hại dân; người dân có giáo dục sẽ hiểu được nghĩa vụ và quyền lợi của mình để thực hiện. Do vậy, đối tượng chủ yếu trong giáo dục của Nho giáo nói chung và Khổng Tử nói riêng là đào tạo những người thuộc giai cấp thống trị; đào tạo những người thuộc giai cấp khác nhưng có thể bổ sung cho giai cấp thống trị; đào tạo những người dân biết “đạo” (đạo lý).

1.2.2. Về đối tượng giáo dục

Trước Khổng Tử, giáo dục chỉ là đặc quyền đặc lợi của giai cấp thống trị. Đến Khổng Tử, để củng cố, duy trì trật tự xã hội phong kiến, giáo dục mới được giai cấp thống trị coi như một phương tiện mới bắt đầu mở rộng. Lý giải về sự hỗn loạn của xã hội trong thời Xuân Thu – Chiến Quốc, Khổng Tử cho nguyên nhân chủ yếu là ở chỗ con người sống không đúng danh phận của mình, cần phải giáo hóa để mọi người trở về đúng danh phận. Trong rất nhiều biện pháp ổn định trật tự xã hội, ông chủ trương dùng giáo dục để cảm hóa con người.

Nếu trước đây, đối tượng giáo dục chỉ hạn hẹp trong tầng lớp quý tộc, thì chủ trương giáo dục của Khổng Tử: là bình dân giáo dục, đây là chủ trương tiến bộ trong bối cảnh lịch sử bấy giờ. Trong “Luận ngữ”, Khổng Tử cho rằng

giáo dục cần thiết cho mọi đối tượng, không phân biệt chủng loại (đẳng cấp, giàu nghèo, tốt xấu). Tử viết: “Hữu giáo, vô loại” (Luận ngữ, Vệ Linh công, 38) – bất cứ ai chỉ cần “đem cho thầy một bó nem” là ông đều nhận làm học trò, không phân biệt giai cấp, quý tiện, sang hèn. Theo ông, học tập là phương tiện cần thiết duy nhất để mở mang sự hiểu biết, trau dồi đạo đức làm người. Từ quan điểm giáo dục có tính cách mạng đó ông đã dạy cho tất cả những ai có mong muốn và ý thức học, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, khôn ngu. Ông nói: “Những người đem lễ xin học từ một bó nem trở lên, ta chưa hề chê lễ mọn mà không dạy”(Tự hành thúc tu dĩ thượng, ngô vị thường vô hối dã) (Luận ngữ, Thuật nhi, 7) [36, tr. 347]. Đây là tư tưởng mang tính tiên bộ của Khổng Tử, thể hiện tính nhân bản cứu đời của ông. Ở thời đại ông, sự phân chia đẳng cấp, xã hội còn nhiều bất công là điều không thể khắc phục được, ông luôn mong muốn tạo ra những nhân tố mới, tiến bộ nhằm cải cách dần thể chế xã hội cũ. Quan điểm giáo dục, đào tạo con người của Khổng Tử chính là nhằm thực hiện hoài bão này. Chính vì vậy mà có nhiều ý kiến đã nhận xét rằng: “Tư tưởng về chính trị không thừa nhận sự bình đẳng, song ở ông đã có sự bình đẳng trong giáo dục” [41, tr. 31].

Khổng Tử không chỉ đề xuất tư tưởng giáo dục cho tất cả mọi người trên lời nói mà bằng cả hành động. Cuộc đời dạy học của ông không mang danh lợi bổng lộc, mà chủ yếu đào tạo được lớp người hữu đạo. Học trò của ông có đủ các lứa tuổi, tầng lớp, hạng người, bởi ai đến xin học ông đều nhận dạy. Trong số học trò của ông có không ít người nghèo khó rất nhiều người xuất thân từ tầng lớp thứ dân mà sau trở thành các nhà chính trị giỏi của chế độ phong kiến như Tử Lộ, Nhiễm Cầu.

Theo Khổng Tử, người ham học hỏi thì dù nghèo khó đến đâu thì ông vẫn tận tình dạy bảo, tuần tự dẫn dắt từng bước để người học tiến đến chỗ hiểu biết, kể cả những người kém cỏi, năng lực nhận thức yếu ông vẫn nhận

làm học trò và chỉ dạy chu đáo. Ông nói: “Nếu có kẻ thô bi đến hỏi ta, dầu là kẻ tối tăm mờ mịt tới đâu, ta cũng đem hai bề từ đầu chí đuôi mà dẫn giải cho thật tường tận mới nghe.” (Hữu bi phu vấn u ngã, không không như già, già khấu kỳ lưỡng đoan, nhi kiệt yên) (Luận ngữ, Tư Hãn, 7) [18, tr. 134 - 135].

Ngay cả những người có quá khứ không tốt, những người có tiếng là ngộ nghịch cũng được ông thu nạp thành học trò để rèn luyện cho có lễ nghĩa, vào khuôn phép nên người. Trong *Luận ngữ* có kể lại câu chuyện: Ở làng Hồ Hương có anh thanh niên có tiếng ác nghịch, khó có thể giảng dạy điều lành, lẽ phải cho được. Anh thanh niên ấy đến yết kiến Khổng Tử để xin vào học, các môn đồ của ông có vẻ nghi kỵ anh ta. Khổng Tử bèn dạy rằng:

Người ta có lòng tinh khiết mà đến với mình, thì mình vì lòng tinh khiết ấy mà thân nhận người, chớ mình không bảo lãnh những việc đã qua của người. Lại nữa, ngày nay người ta đến với mình thì mình thân nhận, chớ mình chẳng bảo đảm người khi người thôi ra. Chỉ có thể thôi, cần gì phải nghiêm khắc thái quá? – (Nhơn khiết kỳ dĩ tẩn, dữ kỳ khiết dã, bất bảo kỳ vãng dã; dữ kỳ tẩn dã, bất dữ kỳ thôi dã. Dã hà thậm) [18, tr. 112-113].

Với tư tưởng “hữu giáo vô loại”, học trò theo ông rất đông. Trong số các học trò của ông vừa có con em quý tộc như Tử Du, Tử Tiễn, Nam Cung Kinh Thú; lại có cả những người thuộc tầng lớp bình dân gia cảnh bần hàn, xuất thân hèn kém như Nhan Hồi, Mẫn Tử Khiên, Nhiễm Cầu, Nhiễm Ung; vừa có những người buôn bán như Tử Cống, Tử Trương; vừa có những người con nhà lao động như Tăng Sâm; vừa có người trước đây là hạng bất thiện như Nhan Trác Tụ, hay “cuồng phóng” như Sâm Trương, Mục Bì.

Tư tưởng này được người học trò - Mạnh Tử kế thừa và phát huy đường lối bình dân giáo dục của Khổng Tử trên phạm vi quảng đại, với các hình thức đa dạng. Khác với Khổng Tử, Mạnh Tử chủ trương hình thành một mạng lưới

trường công tử làng đến kinh đô, từ trường hương học đến trường quốc học, đó là trường, tự, học, hiệu để giáo hóa dân chúng. Hệ thống trường học mở rộng theo quan niệm của Mạnh Tử là điều kiện, là biện pháp thiết thực để bình dân giáo dục. “Nếu từ đô áp đến chỗ châu huyện đều đặt nhà học, để cho từ con vua trở xuống đến con nhà sỹ và thứ dân đều đi học cả, thì độ mười năm sau, trên biết bảo dưới, dưới biết cách thờ trên” [30, tr. 556]. Đây là tư tưởng tiến bộ của nho gia vì không chỉ biểu hiện tư tưởng thân dân mà còn làm cho dân đổi mới.

Như vậy, tuy rất quan tâm đến giáo dục, mở rộng giáo dục đến cho tất cả mọi người, nhưng suy cho cùng thì các tư tưởng về giáo dục cũng là để thực hiện các mục tiêu chính trị. Việc coi trọng giáo dục cho đối tượng thứ dân trước hết không phải là vì quyền lợi hay sự tiến bộ của tầng lớp này mà vì mục tiêu củng cố, duy trì trật tự xã hội phong kiến. Song không phải vì thế mà phủ nhận công lao của ông đối với sự nghiệp giáo dục dân chúng. Nhờ sự đề xướng của ông mà giáo dục được mở mang, trình độ dân trí của quần chúng nhân dân được nâng lên rõ rệt, văn hiến nhờ vậy mà càng rực rỡ.

1.2.3. Về nội dung giáo dục

Khổng Tử rất coi trọng giáo dục đạo đức, dùng đạo đức để thi hành chính sự. Theo Khổng Tử, học và thực hành đạo đức đầy đủ rồi mới học đến văn. Ông nói:

Các đệ tử, vào thì hiếu, ra thì lễ, cần trọng để giữ được chữ tín, yêu thương mọi người mà kết thân với người có lòng nhân đức. Làm được những điều đó rồi mà còn sức nữa, thì mới học đến văn (Đệ tử, nhập tắc hiếu, xuất tắc lễ, cần nhi tín, phiếm ái chúng nhi thân nhân, hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn) (Luận ngữ, Học nhi, 6).

Tư tưởng này của Khổng Tử là nguồn gốc của câu khẩu hiệu “Tiên học lễ, hậu học văn”. Tuy nhiên, câu này chưa phản ánh được đầy đủ tư tưởng của

Khổng Tử, vì theo như câu nói trên của Khổng Tử, trước hết phải học và thực hiện đạo đức toàn diện gồm nhân, lễ, hiếu, đễ, tín ... chứ không phải chỉ có lễ.

Nội dung giáo dục luân lý đạo đức của Khổng Tử được thể hiện trong “Luận ngữ”. “Luận ngữ” chủ trương rèn luyện tính thiện cho dân bằng phương pháp “cất nhắc người tốt, dạy dỗ người không tốt thì dân khuyên nhau làm điều thiện” [37, tr. 40]. Mục đích giáo dục điều thiện để cho dân không làm điều ác, không phạm tội. Nếu không giáo hóa dân, để dân phạm tội rồi giết, như vậy tàn ngược. Với quyết định này, thì trước hết phải dạy cho dân biết điều thiện, ác để mà thực thi.

Khổng Tử chủ trương giáo dục “đạo làm người” cho tất cả mọi người để xã hội trở về “hữu đạo”. Ông đã từng nói: “Thiên hạ hữu đạo, tắc chánh bất tại đại phu” (Nếu thiên hạ có đạo rồi thì việc chính trị không cần các đại phu nữa) (Luận ngữ, Quý Thị, 2), “Thiên hạ hữu đạo Khâu bất dữ dịch dã” (Nếu thiên hạ mà có đạo rồi thì Khâu này không cần đặt ra vấn đề thay đổi nữa) (Luận ngữ, Vi Tử, 6) . Đạo không phải tự có sẵn, sinh ra đã biết. Khổng Tử tinh thông đạo lý bởi ông không ngừng học tập từ khi còn trẻ tuổi. Muốn con người trở nên hữu đạo cần phải dạy bảo, khuyên răn gọi là giáo. “Đạo” nhờ có “giáo” mới vững vàng, sâu sắc, rộng khắp. “Giáo” không có mục đích nào cao quý hơn là làm cho mọi người hữu đạo.

Trong quan hệ gia đình, Khổng Tử nói nhiều về đạo hiếu. Ông cho rằng giáo dục đạo hiếu rất quan trọng. Có thể nói đạo hiếu là gốc cơ bản của con người. Bởi ai sinh ra mà không có cha mẹ. Tình cảm với cha mẹ có tính tự nhiên huyết thống, mạnh như những nhu cầu bản năng. Tuy nhiên hiếu đễ với cha mẹ không chỉ đơn thuần là nuôi cha mẹ mà còn phải thành kính với cha mẹ. Ông nói:

Đời nay, hễ thấy ai nuôi được cha mẹ thì người ta khen là người có hiếu. Nhưng những thứ như chó, ngựa thì người ta cũng nuôi được vậy.

Cho nên nuôi cha mẹ mà chẳng kính trọng thì có khác gì nuôi thú vật đâu (Kim chi hiếu giả, thị vị năng dưỡng. Chí ư khuyến mã, giai năng hữu dưỡng. Bất kính hà dĩ biệt hồ?) (Luận ngữ, Vi chính, 7) [18, tr. 18 - 19].

Ông còn quan niệm: Người có hiếu phải biết phân biệt những điều đúng của cha mẹ mà tuân theo, những điều chưa đúng của cha mẹ mà can gián. Ông nói:

Làm con thờ cha mẹ, như thấy cha mẹ lỗi lầm thì nên can gián một cách dịu ngọt. Như thấy ý tứ cha mẹ chẳng thuận theo lời khuyên của mình, thì mình vẫn một lòng cung kính và chẳng trái nghịch. Như cha mẹ giận mà khiến mình làm công việc cực khổ, chớ có đem dạ oán hờn (Sự phụ mẫu cơ gián. Kiến chí bất tùng, hựu kính, bất vi. Lao nhi bất oán) (Luận ngữ, Lý nhân, 18) [18, tr. 58 - 59].

Theo Khổng Tử, người biết hiếu thảo với cha mẹ thì sẽ không trái ngược với các bậc bề trên. Vì vậy, giáo dục đạo hiếu hạn chế được nhiều tệ nạn trong xã hội, góp phần làm trong sạch, ổn định trật tự xã hội.

Bên cạnh giáo dục đạo đức, chúng ta có thể suy thấy nội dung dạy học của ông chủ yếu dạy sáu ngành là: lễ, nhạc, xạ (bắn cung), ngự (đánh xe), thư (viết chữ), số (toán pháp) và tập trung vào 4 mặt: đạo đức, chính trị, ngôn ngữ và văn học, Ông nói: những kẻ theo ta ở nước Trần, nước Sái nay đều không đến trường của ta nữa. Môn đức hạnh: thì có Nhan Uyên, Mẫu Tử - khiên, Nhiễm Bá - ngư, Trọng Cung; khoa ngôn ngữ: thì có Tề Ngã, Tử Cống ; môn chính trị, thì có Nhiễm Hữu, Quý Lộ; môn văn học: thì có Tử Du, Tử Hạ (Luận ngữ, Tiên tiến, 2). Ở đây Khổng Tử chưa hẳn phân ngành để dạy, nhưng trên thực tế thì có 4 nội dung đó, và biết phân biệt ra 4 mặt như vậy mà dạy, “tùy tính chất mà dạy”, thì quả thật đây là một tiến bộ rất lớn trong lịch sử giáo dục mà đến nay còn nguyên giá trị. Chính công việc truyền dạy của ông đã có tác dụng tích cực rất lớn đối với lịch sử văn hóa.

Nội dung giáo dục của Khổng Tử rất chú trọng tới tri thức song tri thức đó chủ yếu xoay quanh các tri thức về văn học và chính trị. Có thể nói thầy Khổng là người rất giỏi về lễ nhạc cho nên lễ nhạc được xem là phần trọng yếu trong tư tưởng giáo dục của Khổng giáo. Lễ nhạc có quan hệ đến luân lý, phong tục và chính trị rất mật thiết. Các nho gia cho rằng: Lễ là cái trật tự của trời đất còn nhạc là cái điều hòa của trời đất: “Nhạc giả thiên địa chi hòa giả, lễ giả thiên địa chi tự giả”. Lễ phân ra trật tự khác nhau để cho vạn vật có thứ vị phân minh; nhạc hợp đồng lại làm một để người ta biết vạn vật tuy khác nhau nhưng cùng đồng một thể, cùng theo một lẽ điều hòa mà sinh hóa. Chúng ta có thể hiểu sâu sắc hơn về lễ nhạc mà thầy Khổng dạy như sau:

Lễ được xem như là một sự tập hợp các nghi thức tế lễ cũng như các hành vi, quan hệ giữa người với người vốn có trong xã hội thời cổ. Nói đến lễ là nói đến các tôn ti trật tự trong xã hội. Dạy lễ tức là dạy những quy định cụ thể về cách ứng xử, đi đứng, giao tiếp, ăn mặc sao cho phù hợp với danh vị. Lễ được dùng như là sự khởi đầu của sự đảm bảo các trật tự, rồi từ đó đến với Nhạc như là một bước đi tuyệt đỉnh cho sự hài hòa êm ái du dương của mọi trật tự xã hội. Lễ giúp cho con người nắm được các quy tắc cư xử vì lễ “ngày nào mà mình khắc kỷ phục lễ, ngày đó mọi người trong thiên hạ cảm hóa mà theo về đức nhân” (Luận ngữ, Nhan Uyên, 1). Vì vậy nhất thiết phải học theo lễ, cái gì không hợp với lễ thì không nghe, không nhìn, không nói và không làm.

Khổng giáo dùng lễ cốt tạo thành một thứ không khí lễ nghĩa, khiến người ta có cái đạo đức tập quán để làm điều lành điều phải. Hơn nữa Khổng giáo dùng lễ nhằm giữ những tình cảm cho thích hợp đạo trung. Vậy lấy lễ để khiến hành vi của con người có chừng mực, để lúc nào cũng thích hợp với đạo trung. Khổng Tử nói: “Cung nhi vô lễ tắc lao, thận nhi vô lễ tắc ti, dũng nhi vô lễ tắc loạn, trực nhi vô lễ tắc giáo”. Điều đó có ý ông muốn nói với mọi

người rằng: “Cung kính mà không có lễ thì phiến, cẩn thận mà không có lễ thành ra sợ hãi, dũng mà không có lễ thì loạn, trực mà không có lễ thành ra vội vã” (Luận ngữ, Thái Bá, 2).

Khổng Tử chú trọng đến giáo dục lễ, coi đó là một biện pháp an toàn nhất để bảo toàn trật tự xã hội. Việc giáo dục lễ đạt tới mức sâu sắc, trở thành niềm tin chi phối nhận thức, hành động của con người. Giáo sư Vũ Khiêu đã từng nhận xét:

Sự giáo dục của ông (Khổng Tử) về lễ đạt tới mức sâu sắc ở chỗ nó trở thành tiêu chuẩn để đánh giá hành vi của con người. Ông đã huy động được dư luận của toàn xã hội, kết quả trọng người có lễ và khinh ghét người vô lễ. Mức độ sâu sắc còn ở chỗ nó đi vào lương tâm con người, vi phạm lễ là điều si nhục, thậm chí đến mức thà chết không bỏ lễ [33, tr. 193].

Khoa học giáo dục hiện đại cũng thừa nhận tác dụng của việc giáo dục lễ trong việc hình thành những thói quen tốt buộc con người phải theo. Nó ảnh hưởng tích cực đến việc hình thành nhân cách con người. Trong tư tưởng Nho giáo, lễ lúc đầu chứa nhiều ý nghĩa tích cực, bởi nó là hình thức chuyển tải nhân nghĩa. Về sau, do xu hướng sử dụng “lễ” phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ chính trị của triều đình phong kiến nên “lễ” được khai thác triệt để. Nó trở nên xơ cứng, mất dần nội dung khoan ái, bao dung, độ lượng; hầu như chỉ còn lại những quy định, tiết chế khô cứng, hà khắc buộc con người phải phục tùng. Với ý nghĩa này, nhiều người nhận định “lễ” là “sợi xích sắt” trói buộc con người.

Nhạc thì giúp con người điều hòa tính khí, di dưỡng tinh thần. Nhạc cũng như lễ, rất có ảnh hưởng về đường chính trị. Nếu chính trị hay thì nghe tiếng nhạc hay ngược lại nếu chính trị dở thì nghe tiếng nhạc dở vì lễ “thẩm nhạc dĩ tri chính”. Vì thế dạy nhạc cho mọi người để người ta biết đồng vui

đồng thương, để biết cách điều hòa tính tình, dẫu vui thế nào cũng không mất cái chính, mà buồn thế nào cũng không mất cái hòa, cốt cho thích hợp đạo trung mới được. Có thể nói lễ và nhạc có cái chủ đích chung là giúp sửa đổi tâm tính cho ngay chính và bồi dưỡng tình cảm cho thật hậu. Song lễ và nhạc mỗi bên lại có chủ đích riêng là lễ cốt ở sự cung kính, để giữ trật tự cho phân minh, còn nhạc cốt ở sự điều hòa khiến tâm tính tao nhã. Hai cái đó dung hòa và phải dạy kết hợp với nhau. Vì nếu có lễ mà không có nhạc thì nhân quần ở với nhau thành ra phân biệt thái quá, nhân tình bất thông; ngược lại có nhạc mà không có lễ thì thành ra lưu đãng khinh nhờn. Vì thế thầy Khổng chủ trương phải dạy cả lễ và nhạc kết hợp vì “nhạc giả vi đồng, lễ giả vi dị”.

Những chủ trương của Khổng Tử là những nội dung giáo dục nhằm phục vụ quan điểm chính trị, nhằm cải tạo xã hội đương thời. Do đó, mục đích của Khổng Tử không phải dạy “văn học”, dạy “ngôn ngữ”; mặc dù ông rất coi trọng việc học Kinh Thi, không học Kinh Thi thì không biết gì để nói. Theo Khổng Tử, Kinh Thi có thể làm cho phấn khởi, có thể làm cho ta đoàn kết, có thể làm cho ta biết căm thù, gần thì để thờ cha mẹ, xa thì thờ vua, nhưng căn bản là bồi dưỡng đức hạnh, kiến thức, để “thờ cha”, “thờ vua”.

Ngoài ra, nội dung giáo dục của Khổng Tử còn thể hiện trong việc giáo hóa huấn luyện kỹ năng thực hành cho dân. Khổng Tử cho rằng “Bậc thiện dạy dân bảy năm thì có thể dùng dân vào việc chiến đấu được”, “đưa dân không được dạy dỗ ra đánh giặc, tức là bỏ dân” [37, tr. 227]. Quan niệm này thể hiện trong quan niệm của Khổng Tử ít nhiều quý trọng sinh mệnh con người, dù đó là tính mạng của tứ dân bách tính tầm thường. Nguyễn Hiến Lê cho rằng: dạy dân tới bảy năm mới đưa ra trận, cổ kim chưa thấy bao giờ. Quả đúng như vậy! Sau bảy năm người dân được giáo hóa rèn luyện, sẵn sàng xông pha nơi trận mạc, liều chết với giặc để giữ nước.

Tuy nhiên trong lĩnh vực huấn luyện kỹ năng thực hành cho dân, Khổng Tử không tránh khỏi những hạn chế xã hội Trung Hoa thuở ấy là xã hội nông nghiệp, thế mà Khổng Tử không dạy cách làm ruộng làm vườn. Khi Phàn Trì xin ông dạy cách trồng cây, thì ông đã trách rằng: “Gã Phàn Trì chí nhỏ hẹp lắm thay!”. Người bề trên chỉ cần học đủ lễ, nghĩa, tín thì dân chúng bốn phương sẽ đem đến phục dịch mình. Cần chi phải học nghề cày cấy” (Luận Ngữ, Tử Lộ, 4). Khổng Tử coi việc làm ruộng là của kẻ tiểu nhân, còn kẻ sỹ “hà tất phải học làm ruộng”. Đây là tư tưởng xem thường lao động chân tay của Khổng Tử. Không chỉ xem thường kẻ lao lực, Khổng Tử còn không tin vào khả năng nhận thức của họ. Khổng Tử viết “Dân khả sự do chi, bất khả sự tri chi” (Luận ngữ, Thái Bá, 9) [37, tr. 143]. Tuy nhiên, ông chủ trương “hữu giáo vô loài”, đây là mâu thuẫn giữa tư tưởng thân dân và lập trường quý tộc của ông. Về sau tư tưởng này được Mạnh Tử khắc phục.

Như vậy, có thể khẳng định rằng nội dung giáo dục mà Khổng Tử đề xướng có rất nhiều điểm tiến bộ về giáo dục đạo đức, nhân, lễ, giáo dục các tri thức về văn học, chính trị; điều đó có giá trị tích cực trong việc hình thành và hoàn thiện nhân cách của con người. Song hạn chế lớn nhất trong nội dung giáo dục của ông là ở chỗ: định hướng phiến diện, hạn hẹp, hạn chế con người đến với các tri thức cần thiết cho cuộc sống xã hội như tri thức về tự nhiên, sản xuất, khoa học kỹ thuật; đánh giá thấp các hoạt động sản xuất vật chất; định hướng giá trị con người một chiều, thiên về cái tinh thần, xa rời việc chinh phục chiếm lĩnh các giá trị vật chất, cải tạo tự nhiên. Từ đó, tạo nên những con người ưa thích nghi, ít cạnh tranh, ít tinh thần cách mạng trong xã hội cũng như trong lao động sản xuất.

1.2.4. Về phương pháp giáo dục

Về mặt phương pháp dạy học ông có một số quan điểm cá biệt có tính chất duy vật chất phác tiến bộ, đến nay vẫn còn ý nghĩa thời sự trong việc dạy

học và cách tổ chức thi cử ở nước ta hiện nay. Nhận xét về nguyên tắc, phương pháp dạy học của Khổng Tử, nhiều nhà nghiên cứu khoa học giáo dục hiện nay vẫn thừa nhận: “Đây là điểm rực rỡ nhất trong tư tưởng giáo dục của Khổng Tử, là bộ phận cung cấp được nhiều bài học đáng tham khảo nhất vì nó ít chứa đựng hàm nghĩa giai cấp rõ rệt” [8, tr. 80]. Phương pháp giáo dục của Khổng Tử thể hiện

Về việc học như thế nào?

Theo Khổng Tử người học phải có nhu cầu nhận thức, ham hiểu biết, khám phá cái mới; phải độc lập suy nghĩ và sáng tạo trong quá trình nhận thức. Học cần phải tự mình gắng sức, chủ động tìm hiểu. Người dạy không chỉ truyền đạt tri thức mà cái cơ bản là dạy năng lực sáng tạo, dạy phương pháp để người học tự tìm đến tri thức. Ông nói: Kẻ nào chẳng gắng sức để hiểu thông, thì ta chẳng giúp cho hiểu thông được. Kẻ nào không cố gắng bày tỏ ý kiến, thì ta chẳng giúp cho phát triển được. Kẻ nào biết một góc mà chẳng chịu tìm hiểu thêm ba góc kia thì ta chẳng dạy cho” (Luận ngữ, Thuật nhi, 8).

Trong quá trình học, Khổng Tử bắt học trò phải đào sâu suy nghĩ, học không suy nghĩ thì vô ích; suy tư mà không học thì kết quả cũng chỉ bằng không. Khổng Tử nói: “Học mà không suy nghĩ thì mờ tối, suy nghĩ mà không học thì nguy hại” (Luận ngữ, Vi chính, 15).

Ngoài ra, Khổng Tử còn đề cao việc ứng dụng vào cuộc sống những điều đã học. Ông nói:

Như có ai đã đọc thuộc hết ba trăm thiên trong Kinh Thi, được bật quốc trưởng trao quyền hành chính cho mình, nhưng cai trị chẳng xuôi; được bách phái đi sứ đến các nước ở bốn phương, nhưng tự mình chẳng có tài ứng đối, người ấy dẫu học nhiều cũng trở nên vô ích (Tụng thi tam, thọ chi dĩ chính, bất đạt; sứ ư tứ phương, bất

năng chuyên đối; tuy đa, diệc hề dĩ vi?) (Luận ngữ, Tử Lộ, 5) [18, tr. 200 - 201].

Quan điểm này được Đảng và Nhà nước ta tiếp tục kế thừa, trong Văn kiện Đại hội X khẳng định: mở rộng qui mô, đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, gắn học với hành, tài với đức.

Về thái độ của người học và người dạy:

Đối với người học: Theo Khổng Tử, ngoài học Thầy, học trong sách vở còn học cả trong cuộc sống “ba người cùng đi, tất có người làm thầy; lựa cái hay của người này mà học, xét cái quấy của người kia mà tự sửa mình” [38, tr. 130], tư tưởng này rất tiến bộ. Chúng ta có thể học mọi lúc, mọi nơi, mọi người trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Khổng Tử cho rằng người học phải luôn đặt câu hỏi, nêu thắc mắc để rồi tìm hiểu. Khổng Tử nói: “Người không biết tự hỏi như “Tại sao? Phải làm thế nào? Người như vậy chẳng có cách gì mà chi bảo được” (Luận Ngữ, Vệ Linh Công, 15). Hơn nữa, học đòi hỏi phải biết khắc phục khó khăn, chuyên tâm, cần mẫn.

Khổng Tử nói: “Quân tử ăn không mong được no nê, ở không mong được yên ổn, làm việc cần mẫn, lời nói thận trọng, đi theo người có đạo đức mà sửa mình cho đúng, thì mới có thể gọi là người hiếu học vậy” (Luận ngữ, Học nhi, 14).

Ông quan niệm, người học phải thành thật, khiêm tốn, thành thật thừa nhận điều mình không biết, khiêm tốn học tập người khác. Ông đã từng nói: Do (tên của Tử Lộ) này, người muốn ta dạy cho cách hiểu biết (nhận thức) ư? Khi mình biết được điều gì thì nói là đã biết. Khi chưa biết thì hãy nói là chưa biết. Đó là hiểu biết thực sự.

Đối với người dạy:

Theo Khổng Tử “học không biết chán, dạy người không mệt” – thái độ

dạy học ấy rất tiến bộ cả mọi thời đại. Ngoài ra, Khổng Tử đặt ra rất nhiều yêu cầu khắc khe đòi hỏi sự nỗ lực của người học đi theo hướng của thầy đã vạch ra. Về đòi hỏi này, thông thường trong khi dạy, Khổng Tử giảng giải từng bước một, trả lời những câu hỏi từng bước, từ chung chung đến cụ thể tùy theo sự hiểu biết của người học. Chính điều này đã phát huy được khả năng suy lý của mình như lời bình trong “Lễ ký” viết: “Thầy dạy chỉ thúc đẩy, chỉ mở lối soi đường nhưng sự không bức bách, không dẫn dắt đến cùng ấy lại làm cho học trò thư thái và biết nghĩ suy” [17, tr. 74]. Đây chính là quan điểm lấy người học làm trung tâm trong nền giáo dục hiện nay ở nước ta.

Khổng Tử nhấn mạnh: *Giảng dạy phù hợp với đối tượng*. Ông nắm bắt rất cụ thể đặc điểm của từng người học, vì thế trong quá trình dạy học Khổng Tử có thể cùng một vấn đề nhưng giảng giải mỗi người mỗi khác. Ông nói: “Từ người bậc trung trở lên mới dạy đạo lý chỗ cao. Từ bậc trung trở xuống chớ nên giảng dạy đạo lý chỗ cao siêu” [18, tr. 825]. Cách thức giảng dạy này vẫn còn phù hợp với giáo dục ngày nay.

Ngoài ra, Khổng Tử đòi hỏi khả năng phân tích, tổng hợp của người học để nắm những phần quan trọng nhất của các vấn đề đặt ra. Lời giảng: “Này, Tử, sự thông suốt mọi nhẽ của ta chẳng phải ở chỗ ta học nhiều mà ở chỗ ta để tâm tìm ra đầu mối”. Điều này không phải dành riêng cho Tử Cống mà là yêu cầu đối với tất cả những ai muốn “thông suốt mọi nhẽ như ông”.

Đặc biệt, Khổng Tử coi trọng phương pháp nêu gương. Ông quan niệm: Phải lấy bản thân mình làm gương sáng để cảm hoá học sinh. Để thực hiện nó, trong cuộc sống hàng ngày Khổng Tử rất chú trọng từ hành xử đến việc nghiên cứu học tập của bản thân nhằm tác động đến môn đệ. Trong suốt cuộc đời của mình Khổng Tử luôn dùng tiêu chuẩn đạo đức nghiêm khắc để tu thân, lấy mình làm gương để dẫn dắt học trò... Khổng Tử chủ trương “Vi chính dĩ đức” (làm việc chính trị phải lấy đạo đức làm đầu). Ông nói: “...chính

sự là làm cho mọi việc ngay thẳng, công minh. Lấy ngay thẳng mà khiến mọi người thì ai dám không ngay thẳng...".

Theo ông, người cầm quyền biết nghe đường chính để sửa mình theo đạo thì việc gì cũng thành chính cả. Tuy nhiên, nếu xét ở thời kỳ hiện đại những tư tưởng này của Khổng Tử tuy không hoàn toàn đúng nhưng vẫn gợi lên nhiều điều suy nghĩ. Mỗi sự mẫu mực đều có thể trở thành bài học sinh động; bản thân sự gương mẫu, sự hoàn thiện nhân cách, sự nghiêm túc của thầy là cả một bài học lớn cho trò.

Mặt khác, ông còn đòi hỏi sự kết hợp giữa học và hành, giữa tri thức và thực tiễn như đòi hỏi việc vận dụng ba trăm thiên trong Kinh Thi, với việc hàng chính và việc của người đi xứ. Khổng Tử quan niệm: "Học nhi thời tập chi", học lý thuyết đi đôi với rèn luyện kỹ năng. Thực hành tri thức, đạo lý của mình chính là ra làm quan giúp vua giúp nước. Ông nói: "Trong lúc xã hội rối ren, không ra làm quan không phải là kẻ trí, không ra giúp đời không phải là người nhân". Ông cho rằng kết quả của việc học phải được thể hiện qua hành động của họ.

Bên cạnh đó, Khổng Tử còn đề cập đến phương pháp "*ôn cố tri tân*" - *ôn cái cũ để biết cái mới*. Ông nói: "Xem xét cái cũ để biết cái mới thì có thể làm thầy được" (Luận Ngữ, Vi Chính, 11). Ông cũng nhấn mạnh phương pháp ôn tập thường xuyên, kiểm tra học tập. Công việc học tập như đắp trái núi, mỗi ngày một ít, kiên trì nhẫn nại thì sẽ thành núi.

Tất cả những phương pháp giáo dục của Khổng Tử vẫn còn nguyên giá trị trong việc dạy và học ở nước ta hiện nay. Con người có thể học không chỉ trong sách vở, mà còn học ở lịch sử, ở kinh nghiệm người xưa, học trong cuộc sống... Học không thụ động mà cần biết suy nghĩ sâu sắc, tìm tòi cho sáng tỏ để nhằm đạt đến sự hiểu biết cuối cùng. Những phương pháp giáo dục mà Khổng Tử nêu lên là cơ sở để các nhà giáo dục hiện đại kế thừa, vận dụng

một cách hợp lý phục vụ cho sự nghiệp trồng người của mình. Tuy nhiên, do chịu sự chi phối của ý thức hệ phong kiến, nên dù phương pháp giáo dục có nhiều điều hợp lý, song nội dung hạn hẹp và được quy định khắt khe, cứng nhắc đã làm cho những tư tưởng giáo dục của Khổng Tử bộc lộ nhiều hạn chế. Sản phẩm của nền giáo dục này là đào tạo ra những con người “Nho giáo”, trở thành công cụ đắc lực để duy trì chế độ đẳng cấp cả khi nó hết vai trò lịch sử.

Tiểu kết chương 1

Xác định vị trí vô cùng quan trọng của giáo dục trong sự ổn định, phát triển xã hội, Khổng Tử rất coi trọng giáo dục. Ông đã đưa ra một hệ thống tư tưởng về giáo dục tương đối hoàn thiện trên nhiều khía cạnh: từ việc đặt cơ sở khẳng định vai trò giáo dục đối với con người hiện thực, đến việc xác định đối tượng, nội dung, mục đích, phương pháp giáo dục. Thông qua tư tưởng giáo dục mà đời sống tinh thần xã hội phong kiến được bộc lộ một cách rõ nét từ ý thức chính trị đến chuẩn mực đạo đức, giá trị xã hội, trật tự đẳng cấp. Nhìn chung, tư tưởng giáo dục của Khổng Tử trực tiếp hoặc gián tiếp xoay quanh nhiệm vụ chính trị, hướng tới mục đích: đào tạo lớp người cầm quyền xứng đáng và tầng lớp thứ dân biết yên vị trong sự cai trị của người khác.

Có thể nói rằng, chủ trương, mục đích, nội dung, phương pháp giáo dục của Khổng Tử thể hiện tư tưởng “thân dân” và “tân dân” đậm nét. Mặc dù vẫn còn những hạn chế mang tính lịch sử, nhưng quan điểm giáo dục đó là bức tranh phác thảo đa dạng cho thể hệ sau chắt lọc, tiếp thu, phát triển. Những quan điểm giáo dục của Khổng Tử đã công hiến cho xã hội những tư tưởng hết sức tiến bộ, đó là tư tưởng về giáo dục đạo đức, về tu thân, về nội dung, phương pháp dạy và học. Chính những đóng góp đó đã một lần nữa khẳng định: Khổng Tử là một nhà giáo dục vĩ đại – “vạn thế sự biểu”.

Không một dân tộc nào có thể phát triển khi họ xem thường truyền thống của mình. Chính cái truyền thống ấy của dân tộc và tinh hoa văn hóa của nhân loại sẽ tạo tiền đề cho sự phát triển của dân tộc ấy trong tương lai. Kết hợp giữa truyền thống và hiện đại là nét đặc trưng nổi bật tạo nên những giá trị của nền văn hóa, nền giáo dục của các quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC VÀ RÈN LUYỆN CỦA HỌC SINH Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

2.1. TÌNH HÌNH GIÁO DỤC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Giáo dục và đào tạo là vấn đề đặc biệt quan trọng, là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Giáo dục và đào tạo có một ý nghĩa to lớn là hướng tới tương lai tốt đẹp hơn, văn minh hơn. Bác Hồ kính yêu của chúng ta đã nhắc nhở “Vì mục đích mười năm trồng cây, vì mục đích trăm năm trồng người”. Những lo toan về giáo dục có thể tìm thấy hàng ngày hiện nay trên mọi thông phương tiện thông tin đại chúng đủ cho thấy vấn đề quan trọng như thế nào. Luật sư Nguyễn Văn Trung đã từng nói “Một bác sỹ tồi chỉ làm chết một bệnh nhân, một sỹ quan tồi thì sẽ làm chết một tiểu đội, nhưng một nhà giáo tồi thì sẽ làm chết cả một thế hệ” [50]. Có lẽ vì vậy, đối với tất cả mọi người mong muốn lớn nhất là con cái của mình và thế hệ tiếp theo có học hơn.

Hiện nay, ở nước ta dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Đảng, Nhà nước, sự quan tâm của xã hội, sự nỗ lực của đội ngũ nhà giáo, sự nghiệp giáo dục và đào tạo đã có nhiều biến chuyển rõ rệt với nhiều thành tựu to lớn về quy mô, chất lượng giáo dục các cấp, công tác quản lý, đội ngũ nhà giáo, hợp tác quốc tế.... Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, thiếu sót, và yếu kém cần phải nhanh chóng khắc phục, giải quyết. Chất lượng giáo dục và đào tạo nhìn chung còn thấp, đào tạo chưa thực sự gắn với nhu cầu sử dụng nhân lực. Công tác quản lý còn nhiều bất cập. Nội dung, phương pháp giáo dục còn lạc hậu. Các nguyên lý giáo dục chưa được thực hiện đầy đủ. Nhiều hiện tượng tiêu cực kéo dài, gây bức xúc.

2.1.1 Những thành tựu đạt được:

- Nhu cầu học tập của nhân dân được đáp ứng tốt hơn

Đã xây dựng được hệ thống giáo dục quốc dân thống nhất, khá hoàn chỉnh bao gồm đủ các cấp học, bậc học, trình độ đào tạo, các loại hình nhà trường và phương thức giáo dục. Mạng lưới cơ sở giáo dục đã được mở rộng đến khắp các xã, phường, tạo điều kiện tăng trưởng rõ rệt về số lượng học sinh, sinh viên, khắc phục tình trạng giảm sút quy mô trong những năm từ 1986 - 1987 đến 1991 - 1992. Năm học 2003 - 2004, có khoảng 22,7 triệu người theo học trong hơn 37.000 cơ sở giáo dục. Đặc biệt, giáo dục mầm non và dạy nghề được khôi phục và có tiến bộ rõ rệt. Năm 2004 về cơ bản đã đạt và vượt các chỉ tiêu mà Chiến lược phát triển giáo dục đề ra cho năm 2005.

Theo thống kê mới nhất của Tổng Cục Thống kê, năm học 2010 - 2011, cả nước có 409 trường mầm non và 191 trường tiểu học được công nhận đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia cả nước tính đến năm 2011 là 10.999 trường. Số lượng này bao gồm: 2.454 trường mầm non, chiếm 18,9% số trường mầm non hiện có trên cả nước; 5.912 trường tiểu học, chiếm 38,9% số trường tiểu học; 2341 trường trung học sơ sở, chiếm 23,1% số trường trung học cơ sở và 292 trường trung học phổ thông, chiếm 12,8% số trường trung học phổ thông hiện có trên cả nước.

Cơ quan này cũng nhận định, trong những năm qua, công tác xây dựng trường, lớp và đào tạo giáo viên theo các tiêu chí trường chuẩn tiếp tục được triển khai mạnh tại các địa phương. Công tác đào tạo nghề cũng được các cấp, các ngành và địa phương tập trung quan tâm đầu tư. Tính đến tháng 6/2011, cả nước có 128 trường cao đẳng nghề; 308 trường trung cấp nghề; 908 trung tâm dạy nghề và trên 1 nghìn cơ sở khác mở các lớp dạy nghề. Số học sinh học nghề được tuyển mới tính đến hết tháng 6/2011 là 740,4 nghìn lượt người, đạt 39,8% kế hoạch năm, bao gồm: Cao đẳng nghề và trung cấp nghề

là 92,4 nghìn lượt người, đạt 22%; sơ cấp nghề 648 nghìn lượt người, đạt 45%. Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm và dạy nghề năm 2011 đang được triển khai tích cực với tổng số vốn là 2894 tỷ đồng, trong đó kinh phí dành cho đào tạo nghề đối với lao động nông thôn là 1 nghìn tỷ đồng với mục tiêu hỗ trợ dạy nghề cho khoảng 400 nghìn lao động.

Việc mở rộng quy mô, đa dạng hóa loại hình nhà trường (bán công, dân lập, tư thục) và phát triển các hình thức giáo dục không chính quy đã tạo thêm cơ hội học tập cho nhân dân, trước hết là thanh thiếu niên, góp phần thúc đẩy sự phát triển hệ thống giáo dục quốc dân và bước đầu hình thành xã hội học tập.

- Đạt được một số kết quả quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược giáo dục

Về nâng cao dân trí: Kết quả xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đã được duy trì, củng cố và phát huy. Chủ trương phổ cập giáo dục trung học cơ sở đang được triển khai tích cực, hiện đã có 20 tỉnh, thành phố được công nhận đạt chuẩn quốc gia. Một số tỉnh và thành phố đã bắt đầu thực hiện phổ cập giáo dục bậc trung học. Số năm đi học bình quân của cư dân 15 tuổi trở lên tăng liên tục từ 4,5 (vào năm 1990) lên 6,34 (vào năm 2000) và đến năm 2003 là 7,3. Thống kê sơ bộ của Tổng Cục thống kê cho thấy, tại thời điểm đầu năm học 2011 - 2012, cả nước có trên 3,7 triệu trẻ em mầm non và hơn 15 triệu học sinh phổ thông đến trường.

Bình đẳng giới trong giáo dục tiếp tục được đảm bảo. Đây là những thành tựu quan trọng, nhất là khi so sánh với các nước có trình độ phát triển kinh tế và thu nhập tính theo đầu dân tương đương hoặc cao hơn nước ta. Ở Việt Nam, phụ nữ và trẻ em gái được tạo điều kiện bình đẳng với nam giới trong nâng cao trình độ học vấn. Tỷ lệ phụ nữ so với nam giới trong số người biết chữ đã tăng lên đáng kể. Chênh lệch về học sinh nam - nữ trong tất cả

các cấp học được thu hẹp lại. Không ít nữ sinh vẫn đạt được giải cao trong các kỳ thi quốc gia và quốc tế. Tổng số nữ trí thức có những công trình khoa học có giá trị, có ý nghĩa lớn trong xử lý các bài toán kinh tế và công nghệ. Có nhiều nữ đã đạt được học hàm, học vị cao: Nữ Giáo sư chiếm tỷ lệ 3,5%, Phó Giáo sư chiếm tỷ lệ 5,9%, Tiến sĩ chiếm 12,6%, Tiến sĩ khoa học chiếm 5,1%. Có 19 Anh hùng lao động và nhiều phụ nữ đạt các giải thưởng danh giá như giải thưởng Kovalepscaia, danh hiệu nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, v.v...

Cũng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, từng có và đang có nữ là Bộ trưởng và Thứ trưởng, nhiều cán bộ là phụ nữ giữ vai trò chủ chốt trong quản lý: cấp Vụ, Viện, Sở, phòng, ban, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng của các trường đại học, Viện trưởng và Phó Viện trưởng của các Viện và Học viện. Tính đến thời điểm này có 11 nữ nhà giáo được phong danh hiệu nhà giáo nhân dân, 1011 nữ nhà giáo được phong tặng nhà giáo ưu tú và bình quân 100 cử nhân đã có 24 nữ. Trong các trường học ở cấp phổ thông, nữ cán bộ quản lý chiếm tỷ trọng cao khoảng 80%, có trường cả hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều là nữ.

Về đào tạo nhân lực: Việt Nam được thế giới đánh giá là có lợi thế về dân số đông, đang trong thời kỳ “dân số vàng” nên lực lượng trong độ tuổi lao động khá dồi dào. Đây là nguồn lực vô cùng quan trọng để đất nước ta thực hiện thành công Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2020 đã được Đại hội Đảng XI thông qua ngày 16/2/2011. Năm 2003, tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 13% năm 1998 đã tăng lên trên 23%. Chất lượng nguồn nhân lực đã có chuyển biến tích cực.

Trong những thành tựu tăng trưởng kinh tế của đất nước hơn 10 năm qua có phần đóng góp rất quan trọng của đội ngũ lao động, mà tuyệt đại đa số được đào tạo ở trong nước. Nước ta cũng đã bắt đầu chủ động đào tạo được

nguồn nhân lực phục vụ xuất khẩu lao động. Năm 2008, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế ước tính 45 triệu người, tăng 2% so với năm 2007, trong đó lao động khu vực nhà nước 4,1 triệu người, tăng 2,5%, lao động ngoài nhà nước 39,1 triệu người, tăng 1,2%, lao động khu vực đầu tư nước ngoài 1,8 triệu người, tăng 18,9%.

Về bồi dưỡng nhân tài: việc đào tạo, bồi dưỡng học sinh, sinh viên có năng khiếu đã được chú trọng và đạt được những kết quả rõ rệt. Nhà nước và một số ngành, địa phương đã dành một phần ngân sách để triển khai chương trình đào tạo cán bộ trình độ cao (thạc sĩ, tiến sĩ) trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, quản lý v.v. ở các nước tiên tiến. Số cán bộ này, sau khi tốt nghiệp đã trở về nước công tác và bắt đầu phát huy tác dụng. Chính sách thu hút nhân tài được triển khai, áp dụng ở nhiều tỉnh thành trên cả nước, chẳng hạn như ở Đà Nẵng, sinh viên tốt nghiệp ra trường loại giỏi được tiếp nhận, bố trí công việc phù hợp và có hỗ trợ về kinh phí, chỗ ở.

- Chính sách xã hội về giáo dục đã được thực hiện tốt hơn và có hiệu quả hơn.

Giáo dục ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa phát triển mạnh và có tiến bộ rõ rệt. Mạng lưới trường, lớp về cơ bản đã bảo đảm cho con em các dân tộc được học tập ngay tại xã, thôn, bản. Việc củng cố, phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú và tăng chi tiêu cử tuyển đã tạo thêm điều kiện cho con em các dân tộc thiểu số ở địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được đào tạo ở đại học, cao đẳng, tạo nguồn cán bộ cho các vùng này. Đã thí điểm và chuẩn bị ban hành chính sách học nghề nội trú cho thanh niên, thiếu niên con em đồng bào dân tộc. Tiếng nói và chữ viết của 8 dân tộc thiểu số đã được đưa vào giảng dạy ở trường tiểu học; trong đó tiếng Hoa và tiếng Khơme được dạy cả ở trường trung học cơ sở.

Chính phủ đã có nhiều chính sách và biện pháp tăng đầu tư cho các vùng

khó khăn như chương trình 135, chương trình kiên cố hóa trường, lớp học v.v. Nhờ vậy, cơ sở vật chất của giáo dục ở vùng khó khăn tiếp tục được củng cố, tăng cường. Việc miễn, giảm học phí, cấp học bổng và các chính sách hỗ trợ khác đã tạo điều kiện cho đại bộ phận con em các gia đình nghèo, diện chính sách được học tập, trước hết ở các cấp học phổ cập.

- Chất lượng giáo dục đã có chuyển biến quan trọng

Nội dung giảng dạy và kiến thức của học sinh phổ thông có tiến bộ, toàn diện hơn và tiếp cận dần với phương pháp học tập mới. Trong giáo dục nghề nghiệp, chất lượng đào tạo của một số ngành nghề như y dược, nông nghiệp, cơ khí, xây dựng, giao thông vận tải, v.v. về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu của thực tế sản xuất và đời sống hiện nay. Đặc biệt, sự tiến bộ về nhận thức chính trị và trách nhiệm xã hội của học sinh, sinh viên cùng với đội ngũ giáo viên, giảng viên đã góp phần vào việc bảo đảm ổn định chính trị của đất nước trong điều kiện có nhiều biến động của tình hình quốc tế và âm mưu, hành động của các thế lực thù địch đối với nước ta thời gian vừa qua.

- Điều kiện đảm bảo phát triển giáo dục được tăng cường hơn

Đã xây dựng được một đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đông đảo với tổng số trên một triệu người (khoảng 950.000 giáo viên, giảng viên và trên 90.000 cán bộ quản lý giáo dục), với trình độ ngày càng được nâng cao. Nhà Nước đã ưu tiên đầu tư nhiều hơn cho giáo dục.

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở các cấp, bậc học, ở mọi vùng miền đã được cải thiện đáng, nhất là từ khi thực hiện chủ trương đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và kiên cố hoá trường, lớp học. Một số địa phương, một số trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề đã nỗ lực để từng bước hiện đại hoá cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

Hợp tác quốc tế về giáo dục được mở rộng, tạo điều kiện cho các em học sinh, sinh viên có thể tiếp cận được với nhiều phương pháp giáo dục tiến bộ

của thế giới.

2.1.2 Những bất cập, yếu kém trong giáo dục:

- Chất lượng giáo dục còn thấp; phương pháp giáo dục còn lạc hậu và chậm đổi mới.

Kiến thức cơ bản về xã hội, kỹ năng thực hành và khả năng tự học của số đông học sinh phổ thông còn kém. Nhà trường phổ thông vẫn chưa khắc phục được tình trạng thiên về dạy chữ, nhẹ về dạy người. Công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông còn chưa được quan tâm đúng mức. Chất lượng đào tạo đại trà của giáo dục nghề nghiệp và đại học còn thấp, tình trạng người học thiếu cố gắng, thiếu trung thực trong học tập khá phổ biến; tinh thần hợp tác, khả năng sáng tạo, năng lực thực hành, giải quyết độc lập các vấn đề còn yếu. Chất lượng giảng dạy, học tập các môn chính trị còn thấp, hiệu quả chưa cao. Các ngành mũi nhọn, các lĩnh vực công nghệ mới ở dạy nghề, đại học, sau đại học nhìn chung còn kém các nước tiên tiến trong khu vực về cả nội dung lẫn phương pháp đào tạo. Về cơ bản, chưa xây dựng được các ngành nghề đào tạo mũi nhọn ngang tầm khu vực và quốc tế.

Ở tất cả các cấp học, bậc học, cách dạy, cách học trong các nhà trường chủ yếu vẫn là truyền thụ một chiều, nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành, chưa phát huy tinh thần tự học và tư duy sáng tạo của người học. Cách thức đánh giá, tổ chức thi cử chậm được đổi mới, tạo ra tâm lý dạy và học để đối phó với thi cử, gây căng thẳng cho người học, người dạy, cho xã hội, làm chậm quá trình đổi mới phương pháp dạy và học trong nhà trường.

- Các điều kiện bảo đảm phát triển giáo dục còn nhiều bất cập. Đội ngũ giáo viên vừa thiếu vừa thừa, chưa đồng bộ; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của một bộ phận còn thấp. Cơ sở vật chất rất thiếu và lạc hậu. Nguồn lực tài chính cho giáo dục chưa bảo đảm nhu cầu chi thường xuyên, nhất là đối với

các tỉnh khó khăn; cơ cấu chi ngân sách giáo dục còn chưa hợp lý, kinh phí chi thường xuyên chủ yếu mới chỉ bảo đảm chi lương và các khoản phụ cấp (chiếm hơn 80% tổng chi thường xuyên của ngân sách giáo dục), phần chi cho hoạt động chuyên môn không đáng kể. Các quy định hiện hành về quản lý ngân sách, tài chính, nhân sự chưa tạo cho ngành giáo dục được chủ động trong việc điều hành các nguồn lực. Đầu tư còn dài trải, chưa tập trung cao cho các mục tiêu ưu tiên.

- Con em gia đình nghèo, gia đình có thu nhập thấp và con em đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận giáo dục, nhất là ở các bậc học đại học và cao học.

Việc thực hiện chính sách cử tuyển đại học gặp khó khăn do quy định cứng về địa bàn cư trú của đối tượng cử tuyển trong điều kiện nhiều xã đặc biệt khó khăn không đủ nguồn. Mặt khác, số học sinh đã được cử đi học tuy được cấp học bổng, được tạo điều kiện ăn ở tại ký túc xá nhưng mức học bổng còn thấp, khả năng tiếp thu kiến thức còn hạn chế, lại chưa quen với những thay đổi trong sinh hoạt nên chưa yên tâm học tập.

Việc đầu tư cho các xã miền núi không thuộc diện được hưởng chương trình 135 rất hạn chế nên giáo dục ở các xã này phát triển chậm. Số trẻ em dân tộc được học mẫu giáo 5 tuổi còn chiếm tỷ lệ thấp, nhiều em chưa được chuẩn bị về tiếng Việt, nên rất khó khăn khi theo học lớp 1.

Các gia đình có thu nhập thấp chiếm tỷ lệ khá lớn trong tổng số hộ gia đình nước ta nhưng chưa có chính sách hỗ trợ phù hợp nên con em các gia đình này gặp khó khăn về tài chính khi học tập ở các bậc học cao.

- Một số hiện tượng tiêu cực trong giáo dục vẫn đang diễn ra và chậm được giải quyết

Tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan tồn tại từ nhiều năm nay, có những biểu hiện tiêu cực nhưng chưa tìm được giải pháp cơ bản để ngăn chặn

có hiệu quả.

Tệ nạn sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp; hiện tượng “học giả, bằng thật”, không trung thực trong học tập và thi cử, sao chép luận văn, luận án có xu hướng lan rộng, ảnh hưởng xấu đến chất lượng đào tạo, đến đạo đức của thế hệ trẻ và lòng tin của xã hội.

Bệnh thành tích đã tác động đến quá trình giảng dạy, học tập, đánh giá học sinh, cũng như công tác quản lý giáo dục, và đây là một trong những nguyên nhân làm cho việc đánh giá tình hình giáo dục, nhất là về chất lượng, chưa phản ánh hết thực chất.

Tình trạng bạo lực học đường, suy thoái đạo đức vẫn còn tồn tại, và ngày một gia tăng ở một bộ phận học sinh, sinh viên. Điều này gây ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giáo dục nước nhà.

- Công tác quản lý giáo dục còn bộc lộ nhiều yếu kém

Quản lý giáo dục và đào tạo còn nhiều bất cập, thiếu dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Quản lý chất lượng giáo dục và đào tạo còn nhiều lung túng. Những hiện tượng tiêu cực trong tuyển sinh, thi và cấp bằng, lạm thu, dạy thêm chậm được khắc phục, gây bức xúc cho xã hội. Công tác quy hoạch đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chưa được quan tâm.

Những yếu kém, bất cập kéo dài trong thời gian qua đã làm hạn chế chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, chưa tạo ra lợi thế cạnh tranh mạnh mẽ về nhân lực của nước ta so với các nước trong khu vực và trên thế giới, gây bức xúc trong xã hội.

2.2. TÌNH HÌNH HỌC TẬP VÀ RÈN LUYỆN CỦA HỌC SINH NƯỚC TA HIỆN NAY

2.2.1 Tình hình học tập của học sinh hiện nay

- Ưu điểm:

Học tập là quá trình trang bị tri thức giúp mỗi chúng ta bước vào cuộc sống một cách tự tin và trở thành một công dân mẫu mực, một con người văn minh. Chính vì vậy, việc học tập của các em có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của xã hội. Hiện nay, cả gia đình, nhà trường, và xã hội đều hết sức quan tâm đến việc học tập của các em.

Thừa hưởng trí thông minh, tính cần cù, ham học hỏi ở một dân tộc có truyền thống hiếu học, nên nhìn chung học sinh Việt Nam có khả năng tiếp thu kiến thức khoa học, và có nhiều thành tích trong học tập. Điều này đã được thừa nhận. Hầu hết trẻ em đều được đến trường. Hàng năm có hàng ngàn học sinh khá, giỏi, và có rất nhiều em đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi tỉnh, thành phố, quốc gia, quốc tế. Đặc biệt năm 2012 vừa qua, Việt Nam đạt thành tích tốt nhất trong các kỳ thi Olympic, lần đầu tiên, toàn bộ học sinh của tất cả các đội tuyển đều đoạt huy chương, trong đó có 5 huy chương vàng, 15 huy chương bạc và 11 huy chương đồng. Đây cũng là lần đầu một nhóm 3 học sinh THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam đoạt giải Intel ISEF ở lĩnh vực điện và cơ khí. Đặc biệt, đội tuyển dự thi Olympic Toán quốc tế sau 4 năm đã trở lại top 10 đội tuyển có thành tích cao nhất trong 100 đội tham dự kỳ thi.

Đại đa số các em luôn say mê học tập làm việc nhằm khám phá, phát hiện những năng lực phẩm chất tiềm ẩn của bản thân, từng bước định hình chúng và khẳng định những giá trị cá nhân mình trong hiện thực; có mục đích trong sáng, phấn đấu cho mình thành đạt về của cải, tài sản, thăng tiến về vị thế và vai trò xã hội, để có điều kiện cống hiến nhiều hơn cho quê hương đất

nước. Những tấm gương đó khá phổ biến, thật đáng trân trọng và tự hào.

- Hạn chế:

Tuy nhiên, hiện nay đang có hiện tượng học sinh “trượt dốc” theo cấp bậc đào tạo. Càng ở cấp dưới (cấp tiểu học) tỷ lệ học sinh giỏi càng nhiều, nhưng khi bước tới thời trung học, đặc biệt là trung học phổ thông con số đó giảm đi rất nhiều; vẫn còn tồn tại một số học sinh yếu kém. Thực tế ngày nay cho thấy cách học của nhiều học sinh chưa mang lại hiệu quả cao. Cụ thể, hiện nay học sinh đã quá phụ thuộc vào các bài giảng của thầy cô trên lớp dẫn đến thụ động, biếng suy nghĩ và sáng tạo trong học tập nhằm đào sâu kho tàng kiến thức. Và cũng chính vì chỉ học gói gọn trong các bài giảng trên lớp nên dẫn đến tình trạng học sinh phải đi học thêm tràn lan. Từ đó các em không có sự độc lập trong suy nghĩ, phụ thuộc vào thầy cô và bị tác động, áp lực từ điểm số, kết quả không thực chất; các em không chủ động được thời gian và ảnh hưởng đến sức khỏe...

Trong nhà trường phổ thông, các em có xu hướng tập trung học các môn khoa học tự nhiên; xem nhẹ, coi thường các bộ môn khoa học xã hội, các môn học nghệ. Điều đó dẫn đến sự phát triển lệch lạc. “Qua điều tra tâm lý, nguyện vọng của các học sinh cuối cấp phổ thông trung học và các bậc phụ huynh cho thấy: Hầu hết các em và các bậc cha mẹ đều có nguyện vọng để các em thi vào đại học, số người muốn dự thi, tiếp tục học ở các trường dạy nghề rất ít” [41, tr. 233].

Bên cạnh đó, hiện nay trong xã hội đang tồn tại căn bệnh khó chữa - bệnh thành tích trong giáo dục. Đa số các trường đều chạy theo bệnh thành tích, đam mê những con số đẹp, những thang điểm tốt mà quên đi một điều không quan tâm xem chất lượng đào tạo đã đạt chuẩn và đáp ứng nhu cầu chưa? Hội chuông báo động đang rung lên từng hồi khiến các nhà quản lý giáo dục và đào tạo, các thầy giáo cô giáo, gia đình và nhà trường rất quan

tâm. Nhiệm vụ cấp thiết đặt ra là tất cả xã hội hãy chung tay vào việc chữa trị lại căn bệnh thành tích để chất lượng giáo dục được cải thiện và có hiệu quả thực sự, như thế mới đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

Không chỉ vậy hiện nay tình trạng gian lận trong học tập và thi cử ở học sinh các cấp học diễn ra rất phổ biến, một số em rất lười học ham chơi, không siêng năng học tập cho nên thường quay cóp bài như vậy sẽ không có sự công bằng và hiệu quả trong giáo dục. Chính vì thế mà có nhiều học sinh học kém mà vẫn ngồi trong lớp chọn, có nhiều học sinh nhận thức kém, rỗng kiến thức mà vẫn được lên lớp.

2.2.2. Tình hình rèn luyện của học sinh hiện nay

- Ưu điểm:

Đa số các em đều có ý thức rèn luyện tốt, có ý thức kỷ luật và tích cực tham gia vào công việc của tập thể, cộng đồng. Ở trong các trường học, tỉ lệ học sinh ngoan vẫn chiếm đa số, ví dụ như ở trường THPT Hoàng Hoa Thám, Thành phố Đà Nẵng, số học sinh có hạnh kiểm tốt chiếm hơn 85%, còn lại chưa đến 15% là học sinh xếp loại khá và trung bình. Các em luôn muốn khẳng định mình, tự tin, giàu ước mơ, hoài bão, thích khám phá cái mới, sống có lý tưởng, gắn quá trình học tập phấn đấu, tu dưỡng rèn luyện bản thân vươn lên để trở thành những người công dân có ích.

Ở các trường học trên cả nước có hàng ngàn đội viên, đoàn viên, thanh niên ưu tú đã và đang nỗ lực tu dưỡng đạo đức, rèn luyện bản thân để hoàn thiện nhân cách của mình. Trên thực tế có rất nhiều tấm gương học sinh tiêu biểu trong học tập và rèn luyện đã được tuyên dương khen thưởng.

Hiện nay có gần 18 triệu đội viên trong cả nước, trong đó có hơn 238 tấm gương thiếu nhi đều có những thành tích xuất sắc trong học tập, 100% đều là học sinh giỏi các cấp, được nhận bằng khen, giấy khen, học bổng của cấp Trung ương và tỉnh, thành phố; có hơn 6,6 triệu đoàn viên, trong đó có

hàng ngàn đoàn viên ưu tú.

- Hạn chế:

Hiện nay, trong bối cảnh xã hội có nhiều biến đổi, nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường thu được nhiều thành tựu, nhưng cũng để lại nhiều hậu quả trên lĩnh vực đạo đức, lối sống, thuần phong mỹ tục. Biểu hiện trong nhà trường là sự suy thoái đạo lý trong quan hệ thầy trò, bạn bè, những biểu hiện lợi lòng kỳ cương phép nước, xem nhẹ quy ước cộng đồng cùng nhiều biểu hiện của thuần phong mỹ tục, bản sắc văn hóa trong cách ứng xử ứng xử, giao tiếp, chào hỏi... bị xem nhẹ.

Trong các trường học vẫn còn tồn tại một bộ phận không nhỏ học vi phạm kỉ luật, nề nếp của nhà trường. Theo kết quả khảo sát của Viện Nghiên cứu và Phát triển giáo dục Việt Nam, tỉ lệ học sinh đi học muộn: tiểu học 20%, trung học cơ sở 21%, trung học phổ thông 58%; tỉ lệ quay cóp: tiểu học 8%, trung học cơ sở 55%, trung học phổ thông 60%; tỉ lệ nói dối cha mẹ: tiểu học 22%, trung học cơ sở 50%, trung học phổ thông 64%; tỉ lệ không chấp hành an toàn giao thông: tiểu học 4%, trung học cơ sở 35%, trung học phổ thông 70%. Hơn thế nữa một số học sinh sống thiếu lý tưởng, chẳng có mơ ước, hoài bão gì, không xác định được mục đích cuộc sống.

Tại hại hơn có một bộ phận học sinh sống thực dụng chạy theo tiền bạc, của cải vật chất, nhằm thỏa mãn những nhu cầu tầm thường; một bộ phận không học cái hay cái tốt mà sa vào lối sống ăn chơi, buông thả, nghiện hút, cờ bạc, đua đòi. Nổi cộm, nhức nhối là một bộ phận trở thành tội phạm, một bộ phận thanh, thiếu niên có biểu hiện quay lưng và coi thường quá khứ, sống thờ ơ vô cảm, hời hợt và thực dụng, chỉ coi trọng những giá trị vật chất trước mắt.

Sự thờ ơ lãnh đạm, lối sống vô cảm xem nhẹ luân thường đạo lý vẫn đang tồn tại ở một bộ phận không nhỏ học sinh, thanh niên hiện nay. Những

hành vi thô bạo, tàn ác, mất nhân tính trong giới học sinh đã và đang làm xôn xao dư luận cả nước. Số học sinh vi phạm pháp luật, thiếu lễ độ với người lớn, nói tục, gây gổ đánh nhau, không trung thực, ích kỷ, ham chơi, đua đòi ngày càng nhiều. Thực tế làm công tác chủ nhiệm nhiều năm qua, chúng tôi nhận thấy hiện nay công tác chủ nhiệm nói riêng và công tác giáo dục đạo đức học sinh nói chung ngày càng khó khăn và phức tạp. Chuyện học sinh cầm tiền đi ăn, trộm cắp, xin tiền bạn bè lấy tiền đi chơi game ở các quán internet, cầm đồ khắp nơi, trộm cướp tài sản lấy tiền tiêu xài ngày càng nhiều và có xu hướng ngày càng gia tăng.

2.3. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG HẠN CHẾ TRONG HỌC TẬP VÀ RÈN LUYỆN CỦA HỌC SINH

2.3.1. Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, do sự thiếu quan tâm của bố mẹ, gia đình và người thân. Một số bậc phụ huynh cũng vì lo toan cuộc sống mưu sinh mà quên đi việc giáo dục con cái, và vì thế họ thường có tâm lý phó mặc cho Nhà trường; bạo lực còn bị ảnh hưởng nhiều từ cuộc sống gia đình không êm ấm. Nhiều học sinh quậy phá có nguyên nhân từ tâm lý không ổn định, ở nhà không được quan tâm nhiều. Qua thực tế giảng dạy nhiều năm ở phổ thông, tôi nhận thấy rằng, đa số các học sinh cá biệt đều có hoàn cảnh gia đình hết sức đặc biệt (bố mẹ ly hôn, hay chung sống không hạnh phúc).

Thứ hai, do sự phát triển của kinh tế xã hội và mặt trái của cơ chế thị trường. Kinh tế xã hội phát triển đã làm cho cuộc sống của con người tốt hơn. Tuy nhiên nhiều học sinh, do gia đình có điều kiện kinh tế khá giả, được nuông chiều thái quá; khi con bảo cần tiền là cha mẹ sẵn sàng cho mà không cần biết con dùng làm gì, từ đó dẫn đến việc dùng đồng tiền vào những mục đích không lành mạnh. Đặc biệt trong xã hội hiện nay, kinh tế thị trường vừa tạo cho thanh niên, học sinh những cơ hội phát triển năng lực, trí tuệ, sáng tạo

nhằm thể hiện mình, khẳng định mình trong xã hội, nhưng đồng thời mặt trái của nó cũng tạo ra những lối sống thực dụng, hưởng thụ, chạy theo đồng tiền, theo cuộc sống vật chất khiến cho nhiều thanh niên trở nên chây lười, không thích làm việc, không có hoài bão, ước mơ, không có ý chí phấn đấu, vươn lên, đi ngược lại với những giá trị truyền thống của dân tộc.

Do chạy theo lợi nhuận, người ta đã tung ra thị trường đủ loại văn hoá phẩm: băng đĩa hình, kiểu dáng trang phục..., kể cả những thứ phản thẩm mỹ, độc hại. Bằng nhiều con đường khác nhau, các sản phẩm đó đã xâm nhập vào đời sống tinh thần của các em, gây ô nhiễm tâm hồn và làm tầm thường hoá thị hiếu thẩm mỹ của bộ phận không nhỏ học sinh, hình thành ở các em những thị hiếu thẩm mỹ không lành mạnh.

Bên cạnh đó, cơ chế thị trường đã tạo ra ở các em lối sống thực dụng, đề cao, coi trọng những giá trị vật chất hơn giá trị tinh thần. Chính tác động đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến tư tưởng của các em trong quá trình học tập, rèn luyện, trong việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai của mình.

Thứ ba, do sự bùng nổ của thông tin. Ngày nay, dưới sự bùng nổ của thông tin, của điện thoại di động, của internet, của phim ảnh, của các website đen đã tác động không nhỏ đến nhận thức, lối sống và cách hành xử của học sinh. Bên cạnh những mặt tích cực mà những phương tiện này mang lại, còn có mặt hạn chế đây là những phương tiện gián tiếp tác động làm hư hỏng học sinh bởi bản tính tò mò, hiếu động của tuổi teen....

Thứ tư, do tấm gương và cách hành xử của một số người lớn, một số cán bộ giáo viên chưa mẫu mực, chưa có tính giáo dục cao; nghiệp vụ sư phạm của một bộ phận cán bộ giáo viên còn chưa đổi mới, đặc biệt là đối với học sinh cá biệt vẫn còn cứng nhắc, chưa lôi cuốn và thuyết phục được học sinh. Khoảng cách vô hình giữa thầy cô và học sinh còn quá lớn. Có nhiều vấn đề khó khăn trong cuộc sống, học tập, học sinh không thể tâm sự chia sẻ với thầy

cô của mình, để lâu ngày bị dồn nén, bột phát thành nhiều hành động xấu. Ở trong gia đình, nhiều ông bố, bà mẹ hành xử chưa đúng, chưa gương mẫu. Ra ngoài xã hội, nhiều người lớn vẫn còn vi phạm các chuẩn mực đạo đức, luật giao thông, gây mất trật tự xã hội, tham gia vào các tệ nạn xã hội... Từ đó ảnh hưởng đến các em, hình thành ở các em những thói quen xấu.

Thứ năm, do thách thức của toàn cầu hoá, mở cửa, giao lưu hội nhập với thế giới và các nước trong khu vực. Toàn cầu hoá, mở cửa, giao lưu hội nhập đang là xu thế chung của thời đại, bên cạnh những thuận lợi do nó mang lại là những thách thức to lớn trên tất cả các mặt của đời sống xã hội của các quốc gia, dân tộc nói chung, trong đó có nước ta. Đặc biệt là thách thức về văn hoá.

Quá trình toàn cầu hoá, mở cửa, hội nhập đã tạo điều kiện cho sự xâm nhập của nhiều luồng văn hoá khác nhau của các quốc gia trên thế giới vào nước ta. Điều này giúp các em có điều kiện mở mang tầm hiểu biết của mình, lựa chọn những yếu tố thẩm mỹ phù hợp, làm phong phú đời sống thẩm mỹ của bản thân. Tuy nhiên, đứng trước những sự lựa chọn, đứng trước những cám dỗ của đời sống vật chất và các hoạt động của đời sống tinh thần không lành mạnh, đã khiến cho nhiều em lúng túng. Do thiếu kinh nghiệm sống nên các em không phân biệt được đâu là cái đẹp chân chính, đâu là cái đẹp giả hiệu, từ đó đi ngược lại với thuần phong mỹ tục.

Sự xâm nhập, và lan tràn ồ ạt của những trào lưu văn hoá phương Tây: những trò chơi bạo lực, trào lưu sống thử, lối sống vô cảm, vị kỉ, v.v... đã ảnh hưởng không nhỏ đến văn hoá dân tộc, tạo ra những biến đổi các giá trị, chuẩn mực trong đời sống xã hội, làm xói mòn những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng nhiều em học sinh chạy theo phong cách sống bên ngoài, sùng ngoại, hình thành những thị hiếu thẩm mỹ mù quáng, gây cản trở cho sự phát triển của xã hội.

- Thứ sáu, do chương trình học tập quá nặng và quá tải

Chương trình sách giáo khoa hiện nay tuy đã có giảm tải, nhưng chương trình vẫn còn nặng, ôm đồm và mang tính hàn lâm, thiên về dạy chữ hơn là dạy người. Chính vì thế, các em phải đối mặt với những áp lực trong việc học tập và thi cử. Những áp lực đó đã phần nào nên hạn chế trong trang bị kỹ năng, phương pháp học, cũng như kết quả học tập của các em.

2.3.2. Nguyên nhân chủ quan

- *Thứ nhất*, do bản thân học sinh thiếu kỹ năng sống, thiếu những kiến thức, suy nghĩ nông cạn, thiếu hiểu biết để giải quyết đúng đắn các vấn đề trong cuộc sống. Sự thiếu hụt kiến thức, thiếu hiểu biết để giải quyết những vấn đề của cuộc sống, sự lệch lạc trong nhận thức và hành vi dẫn đến các sai phạm, vô kỷ luật, sống thiếu trách nhiệm với chính bản thân và cộng đồng.

- *Thứ hai*, do các em chưa nhận thức đúng đắn mục đích của việc học tập và rèn luyện là cho mình. Một số em luôn cho rằng mình đi học là vì bố mẹ chứ không phải vì bản thân. Tôi đã làm một khảo sát nhỏ đối với hơn 400 học sinh của trường THPT Hoàng Hoa Thám, Thành phố Đà Nẵng khi được hỏi “Tại sao các em phải đi học? Các em học nhằm mục đích gì” thì 45% trả lời là do bố mẹ bắt đi, học vì bố mẹ; 35% trả lời là học để sau này có công việc ổn định, kiếm được nhiều tiền; 20% trả lời là do thích đi học, đi học vì quyền lợi của mình sau này. Số liệu đó tuy chưa phải là chuẩn mực, nhưng qua đó cũng thấy được phần nào ý thức việc học tập, rèn luyện chưa cao; một số em chưa xác định đúng mục đích, nhiệm vụ học tập là của mình nên chưa tự giác, chủ động, tích cực trong học tập, rèn luyện.

Tiểu kết chương 2

Việt Nam bên cạnh những tiến bộ mà giáo dục đạt được, giáo dục nước ta vẫn còn nhiều yếu kém, bất cập mà đáng quan tâm nhất là chất lượng, hiệu quả giáo dục còn thấp. Trong ba nhiệm vụ “dạy chữ”, “dạy người” và “dạy

nghe”, mới tập trung vào “dạy chữ”, chưa chú ý tới “dạy người”. Một số biểu hiện tiêu cực như: thiếu kỷ cương, chất lượng còn thấp; nội dung, phương pháp dạy học còn lạc hậu; các hiện tượng tiêu cực trong giáo dục còn nhiều... Văn kiện đại hội XI chỉ rõ: “Chất lượng giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao còn hạn chế, chưa chuyển sang đào tạo theo nhu cầu xã hội; chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng số lượng, qui mô với nâng cao chất lượng, giữa dạy chữ với dạy người. Chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục còn lạc hậu; quản lý nhà nước về giáo dục còn nhiều bất cập...” [26, tr. 167 – 168]. Chính những điều này đã đặt lên vai ngành giáo dục nước ta một trọng trách lớn của thời đại. Ngành giáo dục chúng ta cần xác định những nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp hữu hiệu, nhằm đào tạo nguồn nhân lực có số lượng và chất lượng tốt, đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, với những đổi mới trong công tác giáo dục, việc học tập, rèn luyện của các em học sinh đã có những chuyển biến tích cực, đem lại kết quả khá cao. Tuy nhiên trên thực tế vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề đáng lo ngại trong học tập, cũng như trong quá trình rèn luyện của các em. Điều này xảy ra do nhiều nguyên nhân khác nhau, khách quan có, chủ quan có. Chính vì vậy để việc học tập, rèn luyện của các em ngày một tốt hơn đòi hỏi sự quan tâm, chung tay, góp sức của cả gia đình, nhà trường và xã hội; để các em có nhận thức tốt hơn, cố gắng nỗ lực hơn và thu nhận được những thành quả cao hơn trong quá trình học tập, rèn luyện của mình.

CHƯƠNG 3
MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM KẾ THỪA QUAN ĐIỂM
GIÁO DỤC CỦA KHÔNG TỬ ĐỂ NÂNG CAO CHẤT
LƯỢNG GIÁO DỤC, RÈN LUYỆN HỌC SINH Ở
NƯỚC TA HIỆN NAY

3.1. KẾ THỪA QUAN ĐIỂM GIÁO DỤC CỦA KHÔNG TỬ TRONG
GIÁO DỤC HỌC SINH Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Khổng Tử là bậc thầy của muôn đời, là một nhà giáo dục lớn, tư tưởng của ông đã gây ảnh hưởng khá sâu sắc đến các thế hệ sau này. Tuy Khổng Tử không đề cao đúng mức vị trí của việc học tập khoa học tự nhiên, kỹ thuật và hầu như chỉ hướng vào giáo dục chính trị, đạo đức, hướng vào mục đích làm quan chứ không mở rộng ra nhiều ngành nghề, nhiều lĩnh vực phục vụ; nhưng tư tưởng khuyến học, trọng học của ông có một ý nghĩa động viên lớn lao để xây dựng một xã hội học tập, xã hội coi trọng tri thức, coi trí thức là một trong những động lực phát triển xã hội. Ngày nay, trên thế giới nói chung, và Việt Nam nói riêng nội dung học tập được mở rộng ra toàn bộ những ngành nghề trong cuộc sống và đó là kết quả của sự nhận thức, bổ sung qua nhiều thời đại phù hợp với yêu cầu của thời đại mới cũng là một tất yếu nhưng qua đó ta lại càng thấy được tính đúng đắn trong tư tưởng khuyến học, trọng học của Khổng Tử.

3.1.1 Kế thừa mục đích giáo dục của Khổng Tử

Quan niệm về mục đích giáo dục của Khổng Tử nếu đặt trong bối cảnh xã hội hiện nay vẫn còn giá trị; quan niệm đó phù hợp với mục tiêu của giáo dục ở nước ta hiện nay - là xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; “vừa hồng vừa chuyên”, trở thành những chủ nhân tương

lai của đất nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã vận dụng tư tưởng giáo dục của Khổng Tử về mục đích giáo dục và tiếp tục phát triển tư tưởng đó ở những nội dung mới phù hợp với hoàn cảnh đất nước. Ở Việt Nam Đảng và Nhà nước ta xác định mục đích giáo dục là nhằm xây dựng cho con người một phẩm chất đạo đức tốt, có trí tuệ. Những chủ trương mới về giáo dục được cụ thể như sau:

Bộ giáo dục và Đào tạo đã xác định tính chất của nền giáo dục mới với những nội dung cụ thể như : đó là nền giáo dục duy nhất, chung cho toàn thể dân chúng; về mục tiêu và tính chất: tôn trọng nhân phẩm, rèn luyện chí khí, phát triển tài năng cá nhân ; về phương pháp: đề cao tinh thần khoa học, phát triển óc phê bình, phân tích, tổng hợp, sáng tạo, gắn liền với thực tế và cần chú ý bồi dưỡng chuyên môn nghề nghiệp.

Tiếp tục phát triển theo quan điểm đó trong Luật giáo dục của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 38/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 nêu rõ tại điều 2 như sau:

Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đến nay tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (1/ 2011), Đảng ta xác định mục đích giáo dục là: “Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực bồi dưỡng nhân tài”. Từ đó cho thấy toàn Đảng toàn dân rất quan tâm chăm lo cho giáo dục và đào tạo để thúc đẩy sự phát triển của đất nước.

3.1.2. Kế thừa đối tượng giáo dục của Khổng Tử

Đối với đức Khổng Tử thì đối tượng giáo dục là "hữu giáo vô loại" (Bất cứ ai, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn đều có thể dạy). Đây là một quan niệm tiến bộ về giáo dục vì nó đã vượt qua giới hạn đẳng cấp, danh phận trong xã hội và góp phần làm cho việc giáo dục và mở mang tri thức đến với quần chúng ở một phạm vi nhất định. Chính vì lẽ đó, quan niệm này mặc dù xuất phát từ một nhà giáo dục lớn ở thời cổ đại, nhưng có thể nói nó hoàn toàn phù hợp với xã hội ta, với công tác "phổ cập giáo dục", "xã hội hóa giáo dục" hiện nay.

Kế thừa những yếu tố hợp lý trong quan điểm về đối tượng giáo dục của Khổng Tử, Đảng, nhà nước ta khẳng định: giáo dục là quốc sách hàng đầu, học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân, tất cả mọi người đều có cơ hội học tập bình đẳng như nhau. Nhà nước phải quan tâm và tạo điều kiện chăm lo cho giáo dục toàn dân. Nhờ có sự quan tâm chỉ đạo sâu sắc của Đảng, Nhà nước bằng việc ban hành các chính sách, điều luật đã giúp Việt Nam đẩy mạnh quá trình xã hội hóa giáo dục và xây dựng một nền giáo dục của dân do dân, vì dân.

Quan điểm trên thể hiện trong điều 10, luật giáo dục năm 2005, qui định về quyền và nghĩa vụ học tập của công dân:

Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam nữ, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập. Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành. Nhà nước và cộng đồng giúp đỡ để người nghèo được học tập, tạo điều kiện để những người có năng khiếu phát triển tài năng. Nhà nước ưu tiên, tạo điều kiện cho con em dân tộc thiểu số, con em gia đình ở vùng có điều kiện kinh tế -

xã hội đặc biệt khó khăn, đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, người tàn tật, khuyết tật và đối tượng được hưởng chính sách xã hội khác thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập của mình [7, tr. 4].

Chính nhờ sự vận dụng hợp lý đó mà giáo dục nước nhà đã có những tiến bộ đáng kể, sau cách mạng tháng 8 năm 1945 nước ta hơn 90 % dân số không biết chữ thì tới nay nước ta đã tiến hành phổ cập xong giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và đang tiếp tục phổ cập giáo dục trung học phổ thông để tiến tới cả xã hội đều được học tập và có cơ hội được học tập suốt đời. Hiện nay Đảng, nhà nước và nhân dân ta đang cố gắng thực hiện xã hội hóa giáo dục và hiện đại hóa giáo dục cho phù hợp với xu thế thời đại.

3.1.3. Kế thừa nội dung giáo dục của Khổng Tử

Tư tưởng coi trọng nội dung giáo dục đạo đức, tư cách con người, coi đó là nền tảng của trí, dũng và thái độ tích cực đem những điều học được ra áp dụng để cải tạo xã hội của Khổng Tử - thực chất là coi trọng cái sở dụng của học vấn, coi trọng đạo đức, tư cách công dân - có tác dụng xây dựng xã hội ổn định và phát triển bền vững là một tư tưởng đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

Ngày nay trong việc giáo dục, phát triển con người, Đảng và Nhà nước ta đã nhận thấy vai trò to lớn của đạo đức cũng như ý nghĩa, giá trị của tư tưởng đạo đức mà Nho giáo đưa ra. Xã hội công nghiệp của các nước phương Tây, và quá trình Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay đang đối mặt với nhiều vấn đề bức xúc về đạo đức xã hội đã cho chúng ta thấy rõ giá trị tư tưởng coi trọng giáo dục đạo đức tư cách con người mà Khổng tử đã đề xướng. Hiện nay ở bất cứ lớp học, trường học nào ở nước ta cũng nêu lên khẩu hiệu “Tiên học lễ, hậu học văn” – đây là một sự kế thừa đúng đắn tư tưởng của Khổng Tử. Tuy nhiên, cần phải hiểu “lễ” theo nghĩa rộng là *đạo đức*, chứ không chỉ có lễ nghi, quy tắc ứng xử. Xưa kia, Khổng Tử yêu cầu học Lễ vì không học con người ta khó có thể đứng được trong xã hội, không

thể trở thành con người chân chính, có ích cho xã hội. Ngày nay cũng vậy, nếu không tuyên truyền và giáo dục lý tưởng chính trị, đạo đức cho toàn thể nhân dân, nhất là thế hệ trẻ; nếu con người không được giáo dục pháp luật, sống và làm việc theo pháp luật là yêu cầu tối thiểu của công dân trong xã hội hiện đại thì tất yếu trật tự, kỷ cương từ trong gia đình đến ngoài xã hội sẽ không được đảm bảo, ổn định. Song, “Giáo dục lễ không phải là lập lại kỷ cương cũ mà xác lập kỷ cương mới, không phải dạy lễ mà là hình thành một lễ sống” [22, tr. 12].

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã từng thừa nhận: “Học thuyết Khổng Tử có cái hay là coi trọng đạo đức”. Bài học về sự chú trọng giáo dục đạo đức của Khổng Tử được Người tiếp thu, kế thừa một cách nhuần nhuyễn. Người chỉ rõ: Học để làm người, nên người rồi mới học làm cán bộ - làm người tốt là cơ sở để làm cán bộ tốt, làm cán bộ tốt trước hết phải làm người tốt. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không xa rời bài học đạo đức. Đối với sự nghiệp giáo dục hiện nay, Đảng ta luôn nhấn mạnh việc coi trọng giáo dục đạo đức, phê phán mọi biểu hiện xem nhẹ, hình thức hóa việc giáo dục đạo đức, kêu gọi những hình thức giáo dục phong phú từ gia đình đến nhà trường và ngoài xã hội.

Nội dung giáo dục của Khổng Tử về *nhân, lễ, nghĩa, trí, tín* còn có ý nghĩa rất thiết thực đối với xã hội hiện nay. Là một con người suốt đời “học không chán, dạy người không mỏi”, lúc nào cũng chỉ muốn đem cái đạo của mình ra giúp người và giúp đời, ông quan niệm “đạo trời có bốn đức lớn là: nguyên, hanh, lợi, trinh; đạo người bởi đó cũng có bốn đức là: nhân, nghĩa, lễ, trí”. Trong bốn đức ấy, đức “Nhân” được Khổng Tử nhắc đến nhiều nhất trong Luận ngữ, điều đó cho thấy ông luôn đề cao chữ Nhân.

“Nhân” được Khổng Tử coi là cái quy định bản tính con người thông qua “Lễ”, “Nghĩa”, quy định quan hệ giữa người và người từ trong gia tộc đến

ngoài xã hội. "Nhân" có quan hệ chặt chẽ với các phạm trù đạo đức khác trong triết học Khổng Tử để làm nên một hệ thống triết lý nhất quán, chặt chẽ. Vì thế mà có người cho rằng: "Nếu coi các phạm trù đạo đức trong triết học Khổng Tử như những vòng tròn đồng tâm thì Nhân là tâm điểm, bởi nó đã chỉ ra cái bản chất nhất trong bản tính con người". Ngày nay, chế độ xã hội đã khác trước, con người cần một thứ nhân đạo chủ nghĩa phù hợp với thời đại mình, nhưng không phải vì vậy mà tư tưởng "Nhân" của Khổng Tử không còn có ý nghĩa.

Xã hội ngày nay vẫn còn những người nghèo khó, đói rét, cô đơn, bất hạnh, những con người này rất cần đến sự quan tâm, thông cảm, giúp đỡ của người khác và của cả cộng đồng. Do vậy, tư tưởng "Nhân" là yêu người của Khổng Tử vẫn còn có thể phát huy tác dụng. Trong phạm vi giáo dục con người, vấn đề này càng trở nên có ý nghĩa sâu sắc. Nếu ai cũng chỉ biết xuất phát từ lợi ích của mình để đối xử với người, chỉ biết chăm chăm đến lợi ích cá nhân mà quên đi lợi ích của cộng đồng thì xã hội sẽ chẳng thể tốt đẹp. Đó chính là biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân.

Chủ nghĩa cá nhân là việc gì cũng chỉ lo cho lợi ích riêng của mình không quan tâm đến lợi ích chung của tập thể. "Miễn là mình béo, mặc thiên hạ gầy". Nó là nguồn gốc của tất cả những tính hư tật xấu như: lừa dối, suy bì, kiêu căng, kèn cựa, nhút nhát, lãng phí, tham ô... Nó là kẻ thù hung ác của đạo đức cách mạng, chủ nghĩa xã hội" [40, tr. 306].

Một khi mỗi người đều biết quan tâm, nhường nhịn và hỗ trợ người khác thì không những họ thấy cuộc sống của bản thân yên ấm, hạnh phúc, mà cả cộng đồng của họ cũng có sự gắn bó, bền vững. Điều này không những đúng với xã hội thời xưa mà còn có ý nghĩa trong xã hội hiện đại. Khi xã hội loài người đang trong quá trình toàn cầu hóa, phấn đấu để trở thành "ngôi nhà chung" thì chúng ta càng phải xích lại gần nhau hơn, yêu thương và chia sẻ

với nhau nhiều hơn. Xây dựng lối sống dân tộc hiện đại ở Việt Nam ngày nay cần củng cố và mở rộng lòng nhân ái khoan dung.

Chữ Nhân trong đạo đức Nho giáo rất phù hợp với truyền thống tốt đẹp của dân tộc mà chúng ta phải phát huy như: thương người như thể thương thân, lá lành đùm lá rách, uống nước nhớ nguồn... Và Nhân không chỉ là lòng yêu Tổ quốc, yêu đồng bào mình, mà rộng ra là với toàn thể giới, với độc lập của mỗi dân tộc, với tự do của mỗi người. Chữ Nhân hiện nay cũng bao trùm lên nhiều phẩm chất khác của con người Việt Nam như: trung với nước, hiếu với dân, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư...

Để có những thế hệ học sinh mà trong bước trưởng thành của các em sẽ hình thành nên những nhân cách cao đẹp, thì trước hết hãy dạy cho các em những điều bình thường nhất để làm người, đó là "biết yêu thương" người khác, mà trước hết là yêu cha mẹ ông bà, yêu bạn bè, thầy cô... phải biết đồng cảm và giúp đỡ những người bất hạnh, biết quan tâm những người xung quanh, có trách nhiệm với bản thân mình và cộng đồng xã hội. Như đồng chí Đỗ Mười đã chỉ rõ: nhân là lòng nhân ái, nghĩa tình, yêu nước, thương dân, là tinh thần đại đoàn kết toàn dân, triệu người như một, là tình cảm thiết tha mãnh liệt với tổ quốc, đồng bào, là trung với nước, hiếu với dân. Cũng vì lẽ đó, tại hội nghị lần thứ năm, Ban chấp hành Trung ương khóa VIII đã khẳng định, nhân nghĩa là một trong những đức tính cần có của người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới.

Khổng Tử còn cho rằng muốn đạt được "Nhân" còn phải thông qua tu dưỡng theo "Lễ"; một người nhân ái phải căn cứ vào yêu cầu của lễ để hài hòa với thế giới bên ngoài. Khi Nhan Hồi hỏi: "Người không nói, không phải lễ không làm, nhân ái cụ thể cần phải làm gì?". Khổng Tử đáp: "Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động" (không phải lễ không nhìn, không phải lễ không nghe, không phải lễ không nói, không phải lễ không làm)

(Luận ngữ, Nhan Uyên, 1). Lễ là lễ nghi thể hiện các quy phạm đạo đức. Lễ mà Khổng Tử nói đến là lễ nghi và những quy tắc đạo đức thể hiện mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người. Tuy "Lễ" mà Khổng Tử xây dựng có từ thời nhà Chu, song không phải vì vậy mà nó không có giá trị về mặt thực tiễn trong công tác giáo dục hiện nay.

Ngay khi vào lớp một học sinh đã được dạy: "Công cha như núi Thái Sơn, Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra...", "Tiên học Lễ hậu học Văn"... Trong chương trình giảng dạy bộ môn Giáo dục công dân hiện nay, ở mỗi cấp học, bậc học, học sinh được học những chuẩn mực đạo đức phù hợp với lứa tuổi, góp phần hình thành một nhân cách khá hoàn chỉnh, có khả năng giao tiếp và ứng xử một cách lễ độ và hoà nhã. Tuy nhiên do ảnh hưởng bởi mặt trái của cơ chế thị trường, ảnh hưởng bởi cuộc sống "số", bằng cấp, lương bổng nên nhiều phụ huynh học sinh đã quá chú trọng đến giáo dục "trí tuệ" cho con em mà vô tình quên đi cái "đức", quên đi hoặc xem nhẹ nhân, lễ, nghĩa, trí, tín... Vì vậy mà không hiếm những trường hợp học sinh vi phạm kỷ luật nhà trường, vi phạm pháp luật Nhà nước, ứng xử không có phép tắc, lễ nghĩa với cha mẹ, thầy cô bạn bè...

Do vậy việc giáo dục ý thức đạo đức cho học sinh hiện nay càng trở nên đáng quan tâm hơn. Gặp người lạ tiếp đón bằng "lễ", tay bắt mặt mừng, mền khách và luôn giữ "lễ". Thấy người quen chào nhau cũng một lòng theo "lễ". Khi vui, khi giận dần lòng giữ "lễ"... Trong gia đình, ngoài xã hội mọi người đều giữ "lễ", đối xử với nhau bằng lòng "nhân"... để cái đẹp của người Việt qua mấy ngàn năm lịch sử không xa rời những nét đẹp của truyền thống văn hóa, đạo đức. Điều đó cho thấy những nét đẹp trong quan niệm "nhân", "lễ"... của Khổng Tử được nhân dân Việt Nam tiếp nhận từ xưa cho đến bây giờ vẫn còn những giá trị sâu sắc.

Như vậy, coi trọng giáo dục lễ như một hình thức bảo tồn một số phong

tục tập quán tốt của dân tộc. Ví dụ như: dạy trẻ biết duy trì những thói quen tốt như kính già, nhường trẻ, ngoan ngoãn, lễ phép. Dạy cho học trò thái độ kính trọng thầy giáo, bảo tồn đạo đức hiếu thuận trong gia đình, giáo dục mọi người thực hiện theo đạo lý “anh nhường, em kính”, “ông bà mẫu mực, con cháu hiếu thảo”, xây dựng gia đình nhiều thế hệ đầm ấm, hạnh phúc.

Thấy được tầm quan trọng đó, hiện nay tại nhiều trường phổ thông, nhiều cơ sở giáo dục cũng như các trung tâm, các tổ chức hoạt động xã hội phát động các phong trào: xây dựng gia đình văn hóa; phong trào con ngoan, trò giỏi; phong trào “ông bà mẫu mực, con cháu hiếu thảo; phong trào sống và làm việc theo hiến pháp, pháp luật... Cùng với các phong trào này, ở khắp các trường học trên cả nước bên cạnh khẩu hiệu “Năm điều bác Hồ dạy”, còn có khẩu hiệu “Tiên học lễ, hậu học văn”, nhằm nhắc nhở việc coi trọng hơn nữa vấn đề giáo dục đạo đức trong nhà trường.

Như vậy, đúng như nhận xét của GS Vũ Khiêu, trải qua hàng nghìn năm lịch sử, các xã hội theo Nho giáo đã giữ được sự ổn định trong gia đình và trật tự ngoài xã hội, củng cố được mối quan hệ cương thường của Nho giáo chính là đã sống theo những quy tắc của Lễ. Lễ trở thành một điều quan trọng bậc nhất trong quản lý đất nước và gia đình. Đó là bài học sâu sắc mà những nước theo Khổng giáo hôm nay đã thực hiện để ổn định chính trị xã hội, phát triển văn hóa và tăng trưởng kinh tế.

Từ xưa, ông cha ta đã đúc kết một cách sâu sắc kinh nghiệm về giáo dục “*Tiên học lễ, hậu học văn*“, “*Lễ*” ở đây chính là nền tảng của sự linh hội và phát triển tốt các tri thức và kỹ năng. Ngày nay, phương châm “*Dạy người, dạy chữ, dạy nghề*” cũng thể hiện rõ tầm quan trọng của hoạt động giáo dục đạo đức, như Bác Hồ đã dạy: “Dạy cũng như học, phải chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là đạo đức cách mạng. Đó là cái gốc quan trọng. Nếu thiếu đạo đức, con người sẽ không phải là con người bình thường và cuộc sống xã

hội sẽ không phải là cuộc sống xã hội bình thường, ổn định...”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Có tài không có đức chi là người vô dụng. Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó”.

Đảng ta đã chủ trương: “Tăng cường giáo dục công dân, giáo dục tư tưởng, đạo đức, lòng yêu nước, chủ nghĩa Mác – Lê Nin, đưa việc giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh vào nhà trường phù hợp với từng lứa tuổi và bậc học...”. Bởi vậy, tu dưỡng và rèn luyện bản thân để trở thành người có nhân cách, vừa có đức vừa có tài là hết sức quan trọng đối với mỗi con người, là nhiệm vụ hàng đầu của thanh niên, học sinh.

Bên cạnh đó, việc vận dụng tư tưởng giáo dục đạo hiếu của Khổng Tử cũng có ý nghĩa sâu sắc. Ngày nay, việc giáo dục, hoàn thiện đạo đức cho con người trong gia đình là một nhiệm vụ thực tiễn rất quan trọng. Trước hết, đạo đức con người thể hiện bằng tấm lòng hiếu thảo với cha mẹ. Nho giáo khi đưa ra mối quan hệ cha con đã chú ý tới bốn phận ở cả hai phía: cha mẹ phải yêu thương con cái, con phải kính trọng, chăm sóc cha mẹ... Điều này cho đến nay vẫn còn ảnh hưởng và có ý nghĩa tích cực. Dù ở bất cứ xã hội nào thì nội dung, yêu cầu cốt lõi của đạo hiếu cũng vẫn không thay đổi như: con cái phải biết công ơn sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ; phải kính trọng, phụng dưỡng cha mẹ... Những yêu cầu rèn luyện đúng đắn chính là để con cái đối xử tốt đối với ông bà, cha mẹ. Thực chất, chúng chi là những bước rèn luyện cần thiết cơ bản để con người khi ra ngoài xã hội đáp ứng được yêu cầu đạo đức cao hơn là yêu nước thương nòi, trung với nước, hiếu với dân theo yêu cầu của đạo đức mới.

Song nếu Nho giáo chỉ giới hạn chữ hiếu với cha mẹ thì ngày nay, yêu cầu xây dựng đạo đức mới cho con người là phải mở rộng phạm vi của nó là hiếu với dân. Hiếu với dân có nghĩa là bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Con người, mỗi người sống không thể không dựa vào cộng đồng, xã hội của mình.

Vì vậy, cần phải biết yêu mến nhân dân, đồng bào với phương châm mình vì mọi người, mọi người vì mình; và vì lợi ích cộng đồng mà có thể hy sinh lợi ích cá nhân. Ai cũng phải chăm lo, bảo vệ lợi ích chính đáng của tập thể, tích cực giúp đỡ mọi người. Đặc biệt đây là phẩm chất rất quan trọng với người Đảng viên, cán bộ. Hiếu với dân không chỉ thể hiện ở thương dân mà chủ yếu là ở chỗ tin dân, dựa vào dân, giúp đỡ dân. Nó đòi hỏi người cán bộ phải lo trước cái lo của dân, vui sau cái vui của dân. Họ là người đại diện cho quyền lợi của dân, là đại biểu của dân nhưng cũng đồng thời là đầy tớ của dân, phải phụng sự nhân dân. Trong quan niệm của người Việt Nam, nước và dân có mối quan hệ mật thiết với nhau. Nước là của nhân dân, nhân dân là chủ của đất nước. Vì vậy, hiếu với dân cũng là thể hiện trung với nước và ngược lại.

Hơn nữa, tư tưởng nội dung của học thuyết mà Khổng Tử áp dụng vào giáo dục mang tính nhập thế và tích cực. Khổng Tử đã nhận định tính chất của giáo dục là cải tạo nhân tính cho nên ông cho rằng giáo dục có ý nghĩa rất quan trọng. Đối với Khổng Tử nhân tính hòa lẫn giữa thiện và ác. Theo ông, thiện ác của nhân loại đều do phần giáo dục quyết định, ông khẳng định rằng: "Con người bằng nỗ lực chủ quan của mình cũng có thể làm thay đổi cái Thiên tính ban đầu". Bên cạnh đó, ông cho rằng: con người lúc sinh ra, cái tính trời phú cho là giống nhau nhưng trong quá trình tiếp xúc, học tập... nó làm cho họ khác nhau. Vậy nên, sự hình thành nhân cách con người mới, nhất là đối tượng học sinh, sinh viên không thể không nhấn mạnh vai trò của giáo dục. Với vai trò to lớn đó, nhiệm vụ của giáo dục cũng rất nặng nề, đòi hỏi nhà giáo dục phải là người tận tâm, yêu nghề, yêu trẻ để hoàn thành sứ mệnh của mình.

Trên tinh thần kế thừa nội dung giáo dục Khổng Tử, ngày nay giáo dục cần bổ sung thêm những nội dung giáo dục mới mà trong Khổng giáo chưa đề cập tới đó là giáo dục các tri thức về khoa học tự nhiên, giáo dục thẩm mỹ,

giáo dục thể chất, giáo dục lao động sản xuất.

3.1.4. Kế thừa phương pháp dạy học của Khổng Tử

Trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo hiện nay, nhà giáo dục luôn quan tâm đến việc đổi mới, áp dụng các phương pháp dạy học có hiệu quả. Song trên thực tế, biện pháp thực hiện còn nhiều hạn chế, kết quả đạt được vẫn chưa như mong muốn. Điều đó, đòi hỏi phải tăng cường hơn nữa quá trình đổi mới các phương pháp giáo dục. Bên cạnh việc áp dụng những phương pháp dạy học mới như: phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp đóng vai...; việc kế thừa, vận dụng thích hợp những phương pháp dạy học truyền thống có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bởi lẽ, không có một phương pháp nào là vạn năng, mà cần sự kết hợp nhiều phương pháp trong quá trình giảng dạy. Để thế hệ trẻ đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì giáo dục nước nhà cần có những bước phát triển mới trên cơ sở kết hợp một cách có hiệu quả bài học giáo dục của cổ nhân với các tri thức giáo dục hiện đại.

Phương pháp dạy học của Khổng Tử đến nay vẫn còn thể hiện những nhân tố tích cực, cần phải được kế thừa. Chẳng hạn với quan điểm của Khổng Tử “Học mà không suy nghĩ thì mờ tối, suy nghĩ mà không học thì nguy hại” (Luận ngữ, Vi chính, 15) đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Đảng ta đã có sự vận dụng và khẳng định trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc như sau:

Đổi mới phương pháp và các hình thức tổ chức giáo dục, phát huy tính tích cực và năng lực chủ động, sáng tạo của người học, thực hiện cân đối, hợp lý dạy kiến thức – dạy nghề – dạy người trên cơ sở lấy dạy người làm căn bản, nhằm đào tạo con người có nhân cách và bản lĩnh, có đủ kiến thức cần thiết, có năng lực lãnh nghề [49, tr. 45].

Đặc biệt hơn, tư tưởng coi trọng kinh nghiệm thực tế, nhấn mạnh vai trò của việc suy nghĩ tìm tòi, cố gắng của người học, kết hợp học và hành, thấy được mối quan hệ khăng khít giữa người dạy và người học của ông đã được thể hiện rất rõ trong phương pháp giáo dục hiện đại - “Phương pháp giáo dục phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học, bồi dưỡng cho người học năng lực tự học, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên.” [3, tr. 9].

Khổng Tử đã từng nêu lên bốn phương pháp giáo dục cơ bản đó là: phương pháp nêu gương, học đi đôi với hành, phương pháp ôn cố tri tân, phương pháp đối thoại gợi mở. Đó là những phương pháp dạy học rất hiệu quả mà Khổng Tử đã nêu ra và áp dụng trong quá trình dạy học của ông. Thực tiễn nền giáo dục Việt nam đã áp dụng rất sâu rộng những phương pháp giáo dục. Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, khẳng định: “Chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở – mô hình xã hội hóa học tập suốt đời, đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc học, ngành học; xây dựng và phát triển hệ thống học tập cho mọi người và những hình thức học tập thường xuyên” [49, tr. 42 – 43].

Trong thời kỳ hội nhập hiện nay, khoa học kỹ thuật công nghệ luôn luôn thay đổi. Do đó, nếu ta thụ động, không tiếp thu tri thức thì sẽ lạc hậu và không theo kịp xu hướng phát triển của thời đại. Vì vậy ta phải luôn học tập, trao đổi kiến thức trong mọi hoàn cảnh.

Cụ thể: - Phương pháp học đi đôi với hành: Quan điểm này của Khổng Tử cho đến bây giờ vẫn còn giá trị, sau này Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng dạy rằng: “Học đi đôi với hành, giáo dục phải gắn liền với xã hội” và hiện nay chẳng phải chúng ta vẫn luôn đặt ra yêu cầu đối với học sinh “học phải đi đôi với hành” đó hay sao?

Tuy nhiên, trên thực tế thì nội dung và cả phương pháp giáo dục của

chúng ta vẫn còn nặng về lý thuyết, khâu thực hành, phương diện sinh hoạt hành vi đối với học sinh ở trường phổ thông trung học vẫn còn hạn chế. Những năm gần đây, phương diện sinh hoạt hành vi của học sinh ở trường phổ thông được chú trọng hơn. Trong phân phối chương trình các môn học, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tăng cường các tiết học thực hành, ngoại khóa và đưa vào chương trình dạy học các "hoạt động ngoài giờ lên lớp", "hướng nghiệp"... và nhấn mạnh việc đổi mới phương pháp dạy học: "Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục - đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện tư duy sáng tạo của người học, nâng cao năng lực tự học của học sinh"... [23, tr. 29].

- Phương pháp "ôn cố tri tân" là một phương pháp dạy học hết sức đúng đắn mà người đời sau vẫn thực hiện khá phổ biến, học thì phải ôn tập, ôn cũ mà biết mới. Ông đặc biệt chú ý gợi mở trí phán đoán độc lập của học trò, không nhồi nhét, áp đặt. Ông chủ trương: "nếu học trò chưa khao khát muốn biết, chưa hổ thẹn vì không biết thì ông chưa dạy. Không Tử còn cho rằng "Sự học tập phải có suy nghĩ, tư lực chứ không phải chỉ biết thuộc lòng nhớ như vẹt". Ông căn dặn: Học mà không suy nghĩ thì mờ tối. Nhưng có suy nghĩ mà không đi đôi với sự học thì nguy khốn. Ông muốn mở mang con người toàn diện, thực hiện một nhân cách đầy đủ, cho nên trong cái lục nghệ giáo dục, trừ Lễ, Nhạc ra còn cả phần vận động sinh hoạt như Xạ (tập bắn), Ngự (cưỡi ngựa), Thư (học viết, vẽ) và Số (học tính toán)... Điều này có khác với mục tiêu giáo dục của chúng ta hiện nay, tuy nhiên so với đương thời thì tư tưởng giáo dục này của Không Tử là hết sức tiến bộ, cho đến nay những tư tưởng này vẫn được người đời ca ngợi và vận dụng những giá trị tích cực của nó trong thực tiễn.

Phương pháp ôn cố tri tân của thầy Không chúng ta cũng đã vận dụng sâu sắc trong quá trình giáo dục thông qua hình thức giao bài tập về nhà, nhắc

nhờ các em ôn tập, học thuộc bài cũ, học và chuẩn bị bài mới thật chu đáo. Qua mỗi lần học tập đó kiến thức của học sinh được trau dồi và các em ngày càng tiếp thu được nhiều thông tin tri thức hơn.

- Phương pháp nêu gương là một phương pháp có giá trị tích cực đối với người học.. Vận dụng quan điểm của Khổng Tử, bản thân nhà giáo dục cũng vậy, muốn dạy người trước hết phải lấy mình làm gương cho kẻ khác như quan niệm của Hồ Chí Minh: "Giáo dục thế hệ trẻ phải thực hiện phương pháp nêu gương". Ở góc độ này, áp dụng vào công tác giáo dục gọi là phương pháp nêu gương, trên thực tế đã mang lại hiệu quả giáo dục khá cao.

Ở các trường học ở nước ta hiện nay đang nêu cao khẩu hiệu thi đua "thầy dạy tốt, trò học tốt", và cuộc vận động "Mỗi thầy giáo cô giáo là một tấm gương đạo đức tự học tự sáng tạo" đã thực sự thấm sâu vào đời sống học đường. Đó chính là sự áp dụng linh hoạt phương pháp nêu gương của Khổng Tử. Với phương pháp này thì đòi hỏi người giáo viên phải nỗ lực phấn đấu trau dồi kiến thức chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, rèn đức luyện tài để có thể truyền tải tri thức cho học sinh vì lẽ một thầy thuốc dốt có thể giết chết một con người nhưng một thầy giáo dốt có thể giết chết một thế hệ. Người giáo viên cần phải có phẩm chất đạo đức tốt để làm gương cho học trò noi theo. Không chỉ vậy người giáo viên cần phải có sức khỏe tốt thì mới giảng dạy tốt được, có lý tưởng xã hội chủ nghĩa, có niềm tin cách mạng, có lý tưởng nghề nghiệp và đặc biệt là tình yêu học trò. Những yếu tố đó đã góp phần quan trọng để giúp người giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy của mình.

- Phương pháp đối thoại gợi mở: Hiện nay giáo dục vẫn dựa trên nền tảng phương pháp đối thoại gợi mở của Khổng Tử nhưng có nhiều điểm tiến bộ, nếu trước kia việc dạy học coi trọng vai trò của người thầy thì ngày nay đổi mới theo hướng "lấy người học làm trung tâm". Phương pháp đối thoại

mà ngày nay gọi là phương pháp đàm thoại vấn đáp nhằm khơi dậy ở học sinh tinh thần hăng say suy nghĩ động não tìm câu trả lời mà giáo viên đưa ra. Đây là một phương pháp hữu hiệu nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh. Những dấu hiệu đặc trưng của phương pháp này là dạy học thông qua các hình thức trao đổi đối thoại giữa thầy và trò, hoặc qua việc tổ chức các hoạt động thảo luận nhóm, làm xêmina... Phương pháp này được sử dụng ở trường trung học phổ thông khá phổ biến kết hợp với phương pháp thuyết trình, giảng giải, tình huống, trực quan, nêu vấn đề... đã góp phần quan trọng trong việc đổi mới phương pháp học tập cho học sinh. Phương pháp này nhằm phát huy khả năng tư duy của các em chứ không hề làm giảm nhẹ vai trò chủ đạo trong quá trình giảng dạy. Để phương pháp này đạt hiệu quả cao thì người giáo viên phải thực sự trở thành người thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động học tập độc lập hoặc theo nhóm để học sinh chiếm lĩnh những tri thức mới.

- Tư tưởng “học không chán, dạy không mỏi” có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong thời đại hiện nay.

Trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đòi hỏi con người phải có tri thức, trình độ tay nghề cao so với những giai đoạn trước đây. Tri thức, tay nghề không phải tự nhiên mà có, mà phải do học hỏi tích lũy mới có.

Trong giáo trình đạo đức học dung cho sinh viên các trường cao đẳng và đại học thì việc “học tập không biết mệt mỏi” là một trong sáu phẩm chất của đạo đức cá nhân. Nghị quyết của hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII cũng cho rằng: “Thường xuyên học tập nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn” là một trong những đức tính cần có của người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới. Trong lịch sử, có lẽ chỉ có ở Khổng Tử việc dạy và học mới trở thành đức tính cơ bản của con người. Khổng Tử nói: “Học không chán là trí đầy; dạy không mỏi là nhân đầy”.

Cha ông ta từ xưa đã chủ động tiếp nhận tư tưởng này của Nho giáo, xây dựng nền giáo dục Nho học rục rờ, đào tạo được nhiều nhân tài cho đất nước, gây dựng trong nhân dân tâm lý hiếu học, ham học. Từ đó đến nay, “hiếu học” đã trở thành một trong những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Trong các trường học trên cả nước hiện nay, đang phát động phong trào thi đua “trò học tốt, thầy dạy tốt”; “mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học, và sáng tạo”.

Ngày nay, trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, cần phải khơi dậy trong xã hội truyền thống hiếu học, ham học của cha ông ta. Xã hội cần tạo những điều kiện để mở mang, khuyến khích việc dạy và học, làm cho việc dạy và học trở thành nhu cầu tất yếu của mọi người. Tuy nhiên, khơi dậy truyền thống ham học ở Nho giáo, song cũng cần tránh tâm lý khoa bảng, học để làm quan vốn là truyền thống nặng nề của nước ta, do chịu ảnh hưởng của Nho giáo.

Tóm lại:

Qua đó, ta thấy rằng: Khổng Tử là nhà giáo dục vĩ đại, tư tưởng giáo dục của ông không những có tác dụng to lớn đối với lịch sử mà cho đến ngày nay vẫn tỏa sáng. Chính từ cuộc đời gương mẫu và đầy trách nhiệm với đời, với người của ông, nhất là cách dạy chữ gắn với dạy người, Khổng Tử đã từng đào tạo được hàng ngàn trò giỏi nổi tiếng trong lịch sử. Một đời Khổng Tử đề cao việc học và chính ông cũng là tấm gương học tập không mệt mỏi. Ông là một người thầy vĩ đại, một nhà sư phạm có đóng góp lớn lao không chỉ cho thời đại của ông mà cho đến bây giờ những tư tưởng giáo dục của ông vẫn luôn được nghiên cứu và vận dụng.

Ông đã đưa ra hệ thống các phương pháp giáo dục, phát huy tính năng động, tích cực và sáng tạo của người học. Những phương pháp đó đến nay vẫn có ý nghĩa thiết thực, đem lại hiệu quả cao trong giáo dục. Khổng Tử

cũng xác định, trong nền giáo dục cần phải đào tạo ra lực lượng nòng cốt để xây dựng xã hội và trung thành với chế độ xã hội ấy. Muốn thực hiện tốt chiến lược giáo dục đào tạo con người thì cần phải nhận thức đúng và giải quyết đúng mối quan hệ giữa các mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài. Việc xã hội hóa giáo dục, mở rộng giáo dục phải đi đôi với việc chú trọng và bồi dưỡng nhân tài, vì nhân tài là lực lượng quan trọng, giữ vị trí then chốt và là chỗ dựa để thực hiện chiến lược phát triển đất nước. Đồng thời cũng cần phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa đức và tài, giữa “tiên học lễ, hậu học văn”. Nhờ đó giáo dục mới có thể thực hiện được sứ mệnh quan trọng của mình là đào tạo ra đội ngũ những người lao động, những người trí thức mới, có đạo đức công dân tốt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, có bản lĩnh chính trị và lòng trung thành với chủ nghĩa xã hội, bảo đảm đáp ứng được những yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ngày nay, bên cạnh việc chúng ta tiếp thu những thành tựu giáo dục tiên tiến, việc kế thừa những kinh nghiệm giáo dục truyền thống là hết sức bổ ích. Tuy tư tưởng giáo dục của Khổng Tử có những hạn chế nhất định do điều kiện lịch sử và lập trường giai cấp nhưng nếu biết kế thừa một cách chọn lọc thì sẽ thấy những giá trị tích cực cho việc giáo dục đào tạo con người trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CỦA GIÁO DỤC VÀ RÈN LUYỆN CỦA HỌC SINH Ở NƯỚC TA

3.2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng giải pháp

- Dựa trên nguyên lý giáo dục toàn diện

Cơ sở phương pháp luận của triết học Mác - Lênin, khi xem xét sự vận động và phát triển của sự vật hiện tượng, là phải thấy được mối liên hệ phổ biến và sự phát triển của chúng. Đặc biệt ý nghĩa phương pháp luận được rút ra, từ nguyên lý về mối liên hệ phổ biến của các sự vật hiện tượng, là phải

đúng trên quan điểm toàn diện để xem xét, giải quyết mọi vấn đề, hay xây dựng các luận cứ khoa học chi đạo quá hình hoạt động thực tiễn. Quan điểm toàn diện đòi hỏi chúng ta khi nhận thức về sự vật nào đó phải thấy được: “Mỗi quan hệ tác động qua lại giữa các bộ phận, giữa các yếu tố, giữa các mặt của chính sự vật và trong sự tác động qua lại giữa sự vật đó với các sự vật khác, kể cả mối liên hệ trực tiếp và mối liên hệ gián tiếp, chỉ trên cơ sở đó mới nhận thức đúng về sự vật” [6, tr. 185].

Căn cứ vào ý nghĩa phương pháp luận có tính chất định hướng nêu trên và xuất phát từ nhu cầu thực tế, Đảng ta đề ra nguyên tắc giáo dục toàn diện, đặt ra yêu cầu phải xem xét và đánh giá một cách tổng thể về những yếu tố tác động ngoại vi, những yếu tố tác động chính để hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách cho học sinh. Nguyên tắc này đòi hỏi phải xây dựng con người mới có đầy đủ “Đức, trí, thể, mỹ”, trong các yếu tố đó không thể không nói đến yếu tố Đức, vì nó là chất kết dính vô cùng quan trọng để tạo nên các phẩm chất tốt đẹp cho một con người, đồng thời tạo cho con người những giá trị đạo lí thực về cuộc sống. Nếu thiếu yếu tố quan trọng này, chắc chắn con người sẽ thiếu những kỹ năng cơ bản để bước vào cuộc sống, hoặc trong hành trang của họ sẽ là những yếu tố không hoàn chỉnh về một thế giới rộng lớn, với những giá trị phong phú được tích lũy qua nhiều thế hệ. Thực tế đó đã xảy ra, có những người rất giỏi về kiến thức khoa học, nhưng lại thiếu niềm tin về cuộc sống, điều đó là cực kỳ nguy hại. Vì vậy, nguyên lí giáo dục toàn diện trong giáo dục, được xem như là kim chỉ nam để giáo dục các thế hệ có tâm, có tài, phấn đấu cho lí tưởng cao đẹp của Đảng, để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

- Dựa trên cơ sở định hướng các giá trị giáo dục

Trong quá trình giáo dục, ngoài việc quan tâm đến giáo dục tri thức, các kỹ năng trong cuộc sống. Cần quan tâm đến vấn đề định hướng các giá trị

giáo dục, cụ thể cần cho các em hiểu được những phẩm chất giá trị, hoàn thiện nhân cách, khi tham gia vào các mối quan hệ của cuộc sống. Vì vậy, ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, bản thân mình phải làm gì, phấn đấu như thế nào để trở thành công dân có ích cho xã hội.

Trên thực tế hiện nay, có rất nhiều học sinh có thể xuất phát từ điều kiện gia đình khá giả, những thứ mà họ có được trong cuộc sống được đáp ứng khá đầy đủ, nên dẫn đến việc thiếu mục tiêu, động lực trong học tập. Hoặc có những em do xuất phát từ những chấn thương tâm lí nên cũng dẫn đến việc chán nản trong học tập, thiếu tự tin trong tiếp xúc, gặp gỡ bạn bè, thầy cô. Nếu để tình trạng đó diễn ra trong thời gian dài, mà không có sự quan tâm, định hướng đúng đắn. Học sinh rất dễ rơi vào tình trạng chai lì cảm xúc, dẫn đến những hậu quả khôn lường. Vì vậy, định hướng cho các em về những giá trị đạo đức tốt đẹp trong cuộc sống, giá trị làm người của con người, là việc làm cần thiết không những đối với một giai đoạn nhất định nào đó, mà là cả một quá trình đòi hỏi quan tâm của cả xã hội.

- Căn cứ vào tình hình thực tế việc học tập và rèn luyện của học sinh nước ta hiện nay

Giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của nhà nước, của toàn thể nhân dân và là quốc sách hàng đầu, nhằm nâng cao dân, trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài. Mục tiêu cốt lõi của giáo dục và đào tạo là hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của con người Việt Nam. Đặc biệt, trong xu thế hiện nay, khi môi trường xã hội đã thay đổi rất nhiều, nội dung giáo dục cũng như phương pháp giáo dục học sinh và con cái phải đổi mới để thích ứng với tình hình mới, vừa phát huy được lợi thế của các phương tiện thông tin hiện đại vừa chủ động ngăn chặn những ảnh hưởng xấu ngoại lai thâm nhập bằng con đường Internet và nhiều phương tiện thông tin khác.

Do vậy, việc học tập và rèn luyện của các em học sinh luôn được gia

đình, nhà trường và xã hội quan tâm. Tuy nhiên trên thực tế, bên cạnh những điểm tích cực, vẫn còn nhiều điểm rất hạn chế trong quá trình học tập và rèn luyện của các em cần phải được khắc phục. Những điểm hạn chế đó là cơ sở rất quan trọng để chúng ta đề xuất các giải pháp cụ thể để giáo dục các em toàn diện hơn. Việc đề xuất các giải pháp cụ thể có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần giáo dục các em, giúp các em hoàn thiện trí tuệ, nhân cách của bản thân mình ; giúp cho các em tự giác, tích cực tham gia vào các công việc của tập thể, của cộng đồng, xã hội.

3.2.2. Một số giải pháp cụ thể

- Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học

Trong công tác dạy và học, giáo viên phải mạnh dạn đổi mới phương pháp dạy theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh. Chẳng hạn như sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học mới như thảo luận nhóm, sắm vai... Tuy nhiên, cần phải lưu ý rằng: đổi mới phương pháp dạy học không có nghĩa là phủ nhận hoàn toàn phương pháp cũ, mà cần phải kế thừa những ưu điểm của những phương pháp giáo dục truyền thống.

Không có một phương pháp nào là vạn năng, do đó nhà giáo dục cần phải biết lựa chọn, sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp với đặc thù bộ môn và thực tế bài giảng; phải biết kết hợp nhuần nhuyễn tất cả các phương pháp dạy học để phục vụ cho công tác giáo dục của mình đạt hiệu quả cao.

- Tăng cường công tác hơn nữa công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho các em học sinh trong nhà trường

Đạo đức con người có vai trò hết sức quan trọng. Khẳng định điều này, Bác Hồ kính yêu của chúng ta đã từng nói: “Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó”. Do đó, Vấn đề giáo dục đạo đức, lối sống cho các em học sinh được xem là nhiệm vụ hàng đầu, nhất là trong xu thế hiện nay.

Trong những năm gần đây, công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho các em rất được quan tâm và đã đạt được một số thành công nhất định; tuy nhiên trên thực tế vẫn tồn tại một số bất cập. Nội cộm là vấn đề bạo lực học đường, sự thờ ơ, vô cảm của giới trẻ, những biểu hiện suy thoái về đạo đức. Chính vì vậy, công tác giáo dục đạo đức cho các em cần phải được quan tâm nhiều hơn nữa. Trong nhà trường, cần nêu cao hơn nữa khẩu hiệu “tiên học lễ, hậu học văn”, học tập và làm theo “5 điều Bác Hồ dạy”, phát động nhiều phong trào thi đua, như: “người tốt, việc tốt”, “bài trừ tệ nạn xã hội”, “nói không với thuốc lá”, “ủng hộ người nghèo”, “ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam”, chương trình “nói vòng tay lớn”, “hiến máu nhân đạo”, “mùa hè xanh”; tổ chức nhiều buổi tọa đàm, hội thảo về giáo dục đạo đức, phòng chống bạo lực học đường, văn hóa ứng xử; tạo điều kiện cho các em tham gia vào các câu lạc bộ như: câu lạc bộ áo trắng, câu lạc bộ phòng chống bạo lực học đường, câu lạc bộ tin học; tạo nhiều sân chơi lành mạnh, tổ chức nhiều hoạt động bổ ích cho các em tham gia, như: hội trại truyền thống, ngày hội văn hóa dân gian, các cuộc thi tìm hiểu về lịch sử, biển đảo, an toàn giao thông...

- Nâng cao hơn nữa tinh thần, trách nhiệm, tính mẫu mực của đội ngũ giáo viên trong nhà trường

Đây chính là vận dụng tư tưởng “chính danh” của Khổng Tử trong giáo dục. Nếu làm chính trị, “vua phải ra vua, tôi phải ra tôi”; ở gia đình, “cha phải ra cha, con phải ra con”; thì ở trường “thầy phải ra thầy, trò phải ra trò”. Nếu thầy không ra thầy, thì trò không thể tốt được. Trong bất kì xã hội nào, nhà giáo cũng đóng vai trò hết sức quan trọng. Từ xưa đến nay, nhân dân ta luôn luôn tôn vinh người thầy giáo và quý trọng nghề dạy học. Không phải ai cũng có thể làm được công việc đó bởi nó yêu cầu cao không chỉ về tri thức mà còn cả đạo đức, phẩm hạnh. Thầy không chỉ dạy chữ mà còn dạy “đạo” - Đạo làm người; thông qua dạy kiến thức để giáo dục đạo đức cho con người. Thầy

Không Từ xưa cũng giáo dục học trò của mình bằng cách ấy và bao thế hệ học trò Nho gia đều vận dụng cách ấy mà truyền tải “đạo” của mình.

Chính vì vậy, việc nâng cao tinh thần, trách nhiệm, sự mẫu mực của đội ngũ nhà giáo có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng giáo dục và quá trình hình thành, hoàn thiện nhân cách của các em học sinh. Các thầy giáo, cô giáo nỗ lực, nhiệt tình trong công tác, mẫu mực trong cuộc sống chẳng những giúp cho các em học tập, rèn luyện tốt hơn, mà còn là hình mẫu, tấm gương sáng để các em phấn đấu noi theo. Hơn thế, từ việc mẫu mực làm gương cho học trò, nhà giáo còn có tác động đến phụ huynh học sinh, tạo dựng niềm tin của gia đình vào nhà trường, vào đội ngũ các thầy cô giáo. Đồng thời, bằng tấm gương của mình, nhà giáo có thể điều chỉnh được hành vi, thái độ họ trong cách giáo dục con cái.

Do đó, tôi thiết nghĩ việc nâng cao tinh thần, trách nhiệm, sự mẫu mực của nhà giáo là việc làm cần thiết, cần được quan tâm hiện nay. Để làm được điều này, bên cạnh sự cố gắng, nỗ lực của đội ngũ nhà giáo, cần có sự quan tâm chi đạo, tạo điều kiện của các cấp, các ngành và toàn xã hội. Trong các trường học, một số phong trào thi đua, như: “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, “thi đua dạy tốt, học tốt” ... cần phải được nhân rộng hơn nữa.

- Tăng cường công tác giáo dục nề nếp, ý thức kỷ luật, thái độ học tập cho các em học sinh

Việc giáo dục nề nếp, tác phong, ý thức kỷ luật cho các em có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thiện nhân cách cho các em. Trong công tác này nên lấy phương châm ngăn ngừa và giáo dục là chính, đầu mỗi năm học, tổ chức cho học sinh học nội quy của nhà trường. Cho học sinh kí cam kết thực hiện nội quy của Trường, lớp. Nâng cao trách nhiệm và vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp, kịp thời nhắc nhở, uốn nắn học sinh. Nghiêm khắc xử lý các

học sinh vi phạm, tùy theo mức độ, giúp học sinh sửa chữa, đồng thời còn có tác dụng ngăn ngừa, giáo dục các học sinh khác.

- Trong công tác giáo dục và đào tạo cần chú trọng hơn nữa phương châm “học đi đôi với hành”

Quan điểm “Học đi đôi với hành” là cơ sở khoa học, phương pháp luận biện chứng và là quy luật của sự phát triển toàn diện nhân cách con người, góp phần phát triển nền giáo dục Việt Nam hiện đại trong tương lai. Vì thế, đi sâu tìm hiểu và làm rõ giá trị hiện thực của quan điểm đó có ý nghĩa sâu sắc và hết sức quan trọng trong định hướng lý luận cũng như chỉ đạo thực tiễn giáo dục, đào tạo ở các nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân hiện nay.

Hiện nay, trong công tác giáo dục - đào tạo ở nước ta đã bộc lộ rõ một nhược điểm là, nặng về kiến thức sách vở mà nhẹ về ứng dụng thực tiễn. Chính vì vậy, trong công cuộc đổi mới giáo dục, cần phải chú trọng hơn nữa nguyên tắc “học đi đôi với hành”. Để thực hiện nguyên tắc này, giáo dục nước ta cần phải đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học”. Nội dung chương trình giảng dạy cho học sinh cần phải được giảm tải bớt và thay đổi theo hướng bổ sung thêm các tiết thực hành. Phương pháp dạy và học phải coi trọng hướng dẫn hành động đi sâu vào quy trình hoạt động, tăng cường hệ thống bài tập thực hành, thực tập trong từng môn học và phối hợp giữa các môn học.

Nhà giáo dục nên tạo điều kiện về tổ chức kế hoạch và đảm bảo vật chất, phương tiện kỹ thuật để tất cả người học đều được luyện tập. Cải tiến mạnh mẽ khâu kiểm tra, đánh giá kết quả sao cho có thể nắm được thực chất hiệu quả dạy và học một cách khách quan, toàn diện, trung thực, không chỉ đơn thuần là kiểm tra kiến thức mà còn cần phải kiểm tra cả năng lực vận dụng vào thực hành, kiểm tra trí thông minh chứ không kiểm tra khả năng thuộc lòng câu chữ. Tất cả những điều đó sẽ giúp cho các em không chỉ lĩnh hội tốt

kiến thức, mà còn thực hiện thuần thục các kỹ năng, dần dần đi đến thành thạo công việc, đáp ứng với mục tiêu xây dựng đội ngũ người lao động “vừa hồng, vừa chuyên” trong sự nghiệp Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Bên cạnh giáo dục đạo đức, kiến thức, cần phải chú trọng giáo dục thẩm mỹ, thể chất, giáo dục lao động sản xuất

Để giáo dục các em trở thành những công dân phát triển toàn diện về “đức, trí, thể, mỹ”. Song song với quá trình truyền thụ kiến thức, giáo dục đạo đức; trong công tác giáo dục cần phải chú trọng hơn nữa việc giáo dục thể chất, thẩm mỹ, lao động sản xuất với nhiều cách thức, biện pháp khác nhau. Để các em có thể chất tốt, ngoài việc học môn thể dục ở trường, nhà trường cần tổ chức nhiều hoạt động thể dục thể thao, như đại hội thể dục thể thao để học sinh tham gia. Việc giáo dục thẩm mỹ có thể thực hiện thông qua việc tích hợp trong giảng dạy các môn học như văn học, giáo dục công dân...; hay thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp, thông qua các hoạt động của nhà trường như hội trại, ngày hội văn hóa dân gian, tiếng hát học đường, cuộc thi thanh lịch... Bên cạnh đó, để giáo dục lao động sản xuất, nhà trường tổ chức cho các em tham gia lao động vệ sinh trường học, lớp học, vệ sinh nơi công cộng, trồng cây...

- Chú trọng hơn nữa công tác giáo dục kỹ năng sống cho các em học sinh

Kỹ năng sống có vai trò hết sức quan trọng đối với mỗi con người, đặc biệt là đối với các em học sinh. Có thể nói, kỹ năng sống là những nhịp cầu giúp các em biến kiến thức thành thái độ, hành vi và thói quen tích cực, lành mạnh. Nếu các em có kỹ năng sống phù hợp sẽ luôn vững vàng trước mọi khó khăn thử thách, biết ứng xử giải quyết vấn đề một cách tích cực, phù hợp. Các em thường thành công trong cuộc sống, luôn yêu đời và làm chủ cuộc sống chính mình. Ngược lại, khi các em thiếu kỹ năng sống thường bị vấp vấp, dễ

thất bại trong cuộc sống.

Kĩ năng sống quan trọng như vậy, nhưng trên thực tế các em lại ít được tiếp cận, học tập nội dung này và các em rất thiếu kĩ năng sống Theo kết quả khảo sát của viện nghiên cứu môi trường và các vấn đề xã hội, tiến hành đối với hơn 1000 học sinh, sinh viên, cho thấy, có trên 95% các em chưa nhận thức đúng về kĩ năng sống, 77,7% chưa bao giờ được đào tạo, tập huấn về kĩ năng sống, 76,4% cho biết rất cần được tập huấn kiến thức về kĩ năng sống và hầu hết các em lúng túng khi trả lời hoặc chưa biết cách xử lý các tình huống thường gặp trong cuộc sống. Những con số này cùng với hiện thực xã hội đã phản ánh được thực trạng thiếu hụt trầm trọng về kĩ năng sống của giới trẻ hiện nay.

Chính vì vậy, giáo dục kĩ năng sống cho các em học sinh là yêu cầu bức thiết hiện nay. Chúng ta có thể giáo dục kĩ năng sống bằng cách lồng ghép vào các môn học như địa lý, văn học, lịch sử, Giáo dục công dân...; hay giáo dục thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các buổi ngoại khóa của nhà trường.

- Cần thay đổi nhận thức, thái độ của học sinh và phụ huynh học sinh về các bộ môn khoa học xã hội; nâng cao hơn nữa vị trí, vai trò và chất lượng dạy – học của các bộ môn này, đặc biệt là môn Giáo dục công dân

Các bộ môn khoa học xã hội như văn học, lịch sử, địa lý, giáo dục công dân... có vai trò rất quan trọng. Các bộ môn này không chỉ cung cấp cho các em những kiến thức về lịch sử, văn hóa, xã hội; mà còn giáo dục cho các em tình yêu quê hương, đất nước, lòng nhân ái, khoan dung, tinh thần tự hào dân tộc... ; đặc biệt là môn giáo dục công dân. Với đặc thù môn học, môn Giáo dục công dân có vai trò quan trọng trong việc hình thành thế giới quan, nhân sinh quan, giáo dục đạo đức, ý thức, góp phần hình thành và hoàn thiện nhân cách cho các em góp phần hình thành và hoàn thiện nhân cách cho các em.

Tuy nhiên, lâu nay trong các trường học vẫn tồn tại một thực trạng đáng buồn khi đa số học sinh rất coi thường các môn khoa học xã hội, như lịch sử, địa lý, giáo dục công dân... Các em xem đây là môn phụ, do đó các em rất lười học những môn này. Không chỉ các em, mà phụ huynh các em cũng tỏ thái độ xem nhẹ. Khi các em được chọn bồi dưỡng học sinh giỏi các bộ môn này, hay được giao các bài tập nhóm về môn học thì phụ huynh tỏ ra không hài lòng. Họ cho rằng như thế là làm mất thời gian học tập của các em, các em nên dành thời gian để học thêm các môn khoa học tự nhiên. Điều này dẫn đến sự thiếu hụt những tri thức về xã hội, lệch lạc trong nhận thức của các em.

Chính vì vậy chúng ta cần thay đổi thái độ học tập của các em đối với những môn học này. Muốn làm được điều đó, giáo viên phải linh hoạt trong giảng dạy, sử dụng kết hợp nhiều phương pháp dạy học, để tiết học trở nên sinh động. Đồng thời, giáo viên phải thay đổi hình thức kiểm tra, đánh giá, nên chú trọng các câu hỏi theo dạng mở, đòi hỏi tư duy, thay vì học thuộc lòng như trước đây. Có như vậy học sinh mới thích thú học, mới yêu thích môn học. Từ đó, nhận thức, thái độ của các em và phụ huynh các em về các môn học này sẽ thay đổi; vị trí, vai trò, chất lượng dạy và học các môn học sẽ được nâng cao hơn.

- Cần có phối hợp chặt chẽ hơn nữa của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc giáo dục các em học sinh.

Trước đây, nhiều người phó mặc việc giáo dục con em mình cho nhà trường, cho các thầy cô giáo. Đây là quan niệm sai lầm, bởi lẽ gia đình là nền tảng giáo dục đầu tiên cho các em. Để có một kết quả giáo dục tốt cần có sự quan tâm, phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Do đó giáo dục – đào tạo là nhiệm vụ chung của cả gia đình, nhà trường, xã hội.

Để có thể quản lý, giáo dục tốt các em ba lực lượng giáo dục là Gia đình, Nhà trường, Xã hội cần phải có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với nhau,

trong đó gia đình giữ vai trò nền tảng quan trọng trong việc giáo dục con em mình. Các tổ chức Đoàn, Hội, Đội cũng cần phối hợp, theo dõi, nắm bắt những diễn biến tâm lý, nhận thức của học sinh, nhất là học sinh cá biệt để có biện pháp uốn nắn, xử lý kịp thời. Đoàn thanh niên trường học cần có sự phối hợp thường xuyên với các cấp cơ sở đoàn tại địa phương – nơi có con em học sinh địa phương theo học để cùng giáo dục.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đồ dùng dạy học trong nhà trường.

Hiện nay, có thể khẳng định rằng, trong những năm qua, Đảng, Nhà nước ta đã huy động một nguồn lực khá lớn để các cơ sở giáo dục xây dựng hệ thống trường lớp khang trang theo hướng hiện đại. Tuy nhiên, hệ thống trường lớp của bậc học phổ thông hiện vẫn còn nhiều bất cập, quy hoạch chưa phù hợp và mang tính tự phát. Hầu hết các trường trong bậc học đều thiếu phòng học, thiếu phòng chuyên môn, nhà đa năng, các phòng chức năng, khu vực vệ sinh không đảm bảo, thiếu các khu vui chơi giải trí, nhiều hạng mục đã xuống cấp, nguồn ngân sách duy tu, bảo dưỡng và xây dựng bổ sung hạn chế nên không đáp ứng được yêu cầu dạy - học. Khi nhu cầu đầu tư lớn nhưng nguồn lực không đảm bảo đã dẫn tới việc thực hiện mang tính dàn trải và thiếu đồng bộ. Nhiều địa phương đã chia nhỏ các chương trình, dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng nên thiếu tính quy hoạch, hiệu quả sử dụng thấp. Việc huy động các nguồn lực khác ngoài ngân sách và thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục chưa có cơ chế rõ ràng, chưa tạo được hành lang pháp lý cụ thể nên hiệu quả thấp.

Được xem là phương tiện quan trọng trong quá trình đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, song thiết bị và đồ dùng dạy học còn thiếu về số lượng, kém về chất lượng. Việc cung ứng trang thiết bị dạy học, cơ sở vật chất đảm bảo cho việc quản lý, sử dụng thiết bị, đồ dùng

dạy học của Nhà nước cho các cơ sở giáo dục hiện chưa đáp ứng được 50% nhu cầu tối thiểu. Số trang thiết bị được mua sắm cũng chưa phát huy tối đa hiệu quả sử dụng. Do đó, để chất lượng giáo dục trong thời gian tới ngày càng tốt hơn, các cấp, các ngành phải ưu tiên đầu tư cho giáo dục nhiều hơn nữa.

Tiểu kết chương 3

Xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn giáo dục nước ta trong thời đại ngày nay, từ yêu cầu xây dựng con người của xã hội mới, vấn đề kế thừa những giá trị tích cực trong quan điểm giáo dục của Khổng Tử là việc làm hết sức cần thiết. Dù có rất nhiều ý kiến tranh luận về nền giáo dục Nho học của Khổng Tử, nhưng chúng ta có thể khẳng định rằng: Bên cạnh những tư tưởng giáo dục không phù hợp, lạc hậu, như tư tưởng coi thường tri thức về lao động sản xuất, nội dung giáo dục chưa đầy đủ, đối tượng giáo dục còn mang tính giai cấp...; quan điểm giáo dục của Khổng Tử đã để lại những bài học sâu sắc, có đóng góp lớn cho sự nghiệp giáo dục hiện nay. Đó là bài học chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách cho các em học sinh; bài học về ý thức, thái độ đối với việc dạy và học; bài học về sự bình đẳng, công bằng trong giáo dục; bài học về việc vận dụng các phương pháp dạy học... Đây là những giá trị để các thế hệ sau kế thừa và phát huy nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Kế thừa ở đây không có nghĩa là đem gán một cách cơ học những tư tưởng giáo dục của Khổng Tử vào công tác giáo dục hiện đại, mà phải biết tiếp thu có chọn lọc. Chúng ta chỉ kế thừa cái tinh túy, những nội dung phù hợp với điều kiện lịch sử xã hội hiện nay, phải nâng những giá trị giáo dục của Khổng Tử lên trình độ hiện đại. Việc kết hợp những bài học giáo dục của cổ nhân với các tri thức giáo dục hiện đại có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển của sự nghiệp giáo dục của nước ta hiện nay, góp phần hình thành nên những con người phát triển đầy đủ, toàn diện về mọi mặt “đức, trí, thể, mỹ”, “vừa hồng, vừa chuyên”.

KẾT LUẬN

Trong lịch sử giáo dục phương Đông, Khổng Tử là người đầu tiên xây dựng một nội dung dạy học và phương pháp dạy học tương đối hệ thống, nhiều điều tiến bộ, đến nay vẫn còn giá trị. Tư tưởng của Khổng Tử là nền tảng cho các thể hệ học trò của ông kế thừa, phát triển để tạo nên một Nho giáo đồ sộ chi phối gần như toàn bộ nền giáo dục phương Đông. Bên cạnh đó việc thành lập tư học cũng là một cuộc cách mạng lớn trong giáo dục, lần đầu tiên đưa giáo dục đến cho mọi tầng lớp nhân dân. Nhờ những đóng góp to lớn đó Khổng Tử được tôn vinh là ông tổ của nền giáo dục phương Đông.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng của lịch sử, của tính giai cấp và còn có những điều chưa chặt chẽ trong lập luận nên các giai cấp thống trị đời sau thường lợi dụng quan điểm của ông, thêm thắt vào để lập luận, khai thác tính duy tâm, siêu hình, tính bắt buộc của lễ giáo... nhằm phục vụ cho quyền lợi của giai cấp thống trị. Vì thế nhiều người đời sau cho rằng tư tưởng của ông quá khắt khe và đối lập với quyền lợi của nhân dân lao động.

Ngày nay, gạt bỏ những yếu tố duy tâm và tư tưởng phong kiến trong quan điểm của Khổng Tử, nhiều nhà giáo dục trên thế giới đã nghiên cứu và đánh giá cao những giá trị trường tồn trong quan điểm của ông. Những giá trị đó được vận dụng không chỉ trong lĩnh vực dạy học mà đặc biệt được đề cao trong giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ.

Chúng ta có thể khẳng định rằng, không phải chỉ trong chế độ phong kiến mà cả trong hiện tại và tương lai, những quan điểm tiến bộ trong quan điểm của Khổng Tử vẫn cần được nghiên cứu, khẳng định và vận dụng cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo của nhân loại; đặc biệt là trong công tác giáo dục và rèn luyện của học sinh ở nước ta hiện nay.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] PGS. TS Lê Hữu Ái, PGS. TS Nguyễn Tấn Hùng (2010), *Triết học (dùng cho đào tạo sau đại học không thuộc chuyên ngành Triết học)*, Nxb Đà Nẵng.
- [2] Trần Quang Ánh (2003), “Quan niệm giáo dục của Khổng Mạnh trong các tác phẩm Luận ngữ và Mạnh Tử”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Đại học Đà Nẵng, số 3.
- [3] Bách khoa toàn thư tinh túy văn học cổ điển Trung Quốc (1995), *Luận ngữ - Thánh kinh của người Trung hoa*, Nxb. Đồng Nai.
- [4] Nguyễn Thanh Bình (2001), *Quan niệm của Nho giáo về các mối quan hệ xã hội, ảnh hưởng và ý nghĩa của nó với xã hội ta ngày nay – Luận án tiến sĩ triết học*.
- [5] Nguyễn Thanh Bình (2007), *Học thuyết chính trị - xã hội của Nho giáo và ảnh hưởng của nó ở Việt nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] Bộ giáo dục và đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Bộ giáo dục và Đào tạo (2005), *Luật Giáo dục*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8] Phan Văn Các (1991), “Việc nghiên cứu Khổng Tử và nho giáo ở Trung Quốc trong thập kỷ 80”, *Tạp chí Triết học*, số 1, tr. 78 – 82.
- [9] Nguyễn Duy Cần (1995), *Nhập môn Triết học Phương Đông*, Nxb. Tổng hợp Đồng Tháp.
- [10] Phan Bội Châu (1990), *Khổng học đặng, cuốn 1 (Toàn tập, tập 9)*, Nxb. Thuận Hoá, Huế.
- [11] Phan Bội Châu (1990), *Khổng học đặng, cuốn 2 (Toàn tập, tập 10)*, Nxb. Thuận Hoá, Huế.

- [12] Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê (1992), *Đại cương Triết học Trung Quốc, Quyển I*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
- [13] Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê (1992), *Đại cương Triết học Trung Quốc, Quyển II*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
- [14] Minh Chi, Hà Thúc Minh (1993), *Đại cương Triết học Phương Đông*, Bộ môn Châu Á học, Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [15] Trịnh Doãn Chính, Trương Chung, Nguyễn Thế Nghĩa, Vũ Tình (1994), *Đại cương Lịch sử Triết học Phương Đông cổ đại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [16] TS. Doãn Chính (chủ biên), TS. Trương Văn Chung, TS. Nguyễn Thế Nghĩa, TS. Vũ Tình, (1997) *Đại cương Triết học Trung Quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [17] Trịnh Doãn Chính (2004), *Đại cương lịch sử triết học Trung Quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [18] Đoàn Trung Côn (1950), dịch *Luận Ngữ*, Nxb Trí Đức, Sài Gòn.
- [19] GS. Phan Đại Doãn (1992), *Làng Việt Nam – Một số vấn đề kinh tế xã hội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [20] GS. Phan Đại Doãn (chủ biên) (1999), *Một số vấn đề về Nho giáo Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [21] Nguyễn Đăng Duy (1998) (Trường Đại học Văn hoá Hà Nội), *Nho giáo với văn hoá Việt Nam*, Nxb. Hà Nội.
- [22] Hồ Ngọc Đại (1991), “Dám hấn”, *Tạp chí thế giới mới*, số 6 tháng 12, tr. 11 – 15.
- [23] Đảng Cộng sản Việt Nam (1997) - *Văn kiện Hội nghị lần thứ II BCHTW khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [24] Đảng cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện đại hội lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- [25] Đảng Cộng Sản Việt Nam (2006), *Văn Kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [26] Đảng Cộng Sản Việt Nam (2011), *Văn Kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [27] PGS. TS Nguyễn Tấn Hùng (2012), *Lịch sử triết học phương Tây – Từ triết học Hy Lạp cổ đại đến triết học cổ điển Đức*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [28] GS Trần Đình Hượu (2002) *Các Bài giảng về tư tưởng phương Đông*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội.
- [29] GS. Trần Đình Hượu (1996), *Đến hiện đại từ truyền thống*, Nxb. Văn hoá, Hà Nội.
- [30] Trần Trọng Kim (1992), *Đại cương triết học Trung Quốc*, Nho gia, Nxb. TP hồ Chí Minh.
- [31] Trần Trọng Kim (1971), *Nho giáo*, Bộ Giáo dục, Trung tâm học liệu.
- [32] GS TS Lưu Hồng Khanh (2005), *Triết học nhập môn - Triết học Đông phương tập I*, Nxb. Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
- [33] Vũ Khiêu (1995), *Nho giáo và gia đình*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [34] Vũ Khiêu (1996), *Bàn về văn hiến Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [35] Vũ Khiêu (1997), *Nho giáo và phát triển ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [36] Nguyễn Đức Lân (dịch và chú giải) (1998), *Chu Hy tứ thư tập chú*, Nxb. Văn hoá – Thông tin, Hà Nội.
- [37] Nguyễn Hiến Lê (1991), *Luận ngữ*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
- [38] Nguyễn Hiến Lê (1992), *Kinh Dịch Đạo của người quân tử*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

- [39] Quang Long – Lâm Duật Thời (1993), *Bàn về Khổng Tử*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
- [40] Triệu Quang Minh, Trần Thị Lan Hương (2010), “Vấn đề con người trong quan niệm pháp trị của Hàn Phi”, *Tạp chí Triết học*, số 219.
- [41] Nguyễn Thị Nga, Hồ Trọng Hoài (2003), *Quan niệm của Nho giáo về giáo dục con người*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội.
- [42] Hồ Văn Phi, *Đàm đạo với Khổng Tử*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2006.
- [43] PGS. Bùi Thanh Quát, TS. Vũ Tĩnh (chủ biên) (1999), *Lịch sử triết học (Giáo trình dùng cho các trường đại học và cao đẳng)*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [44] Vũ Minh Tâm (1996) “*Tư tưởng triết học về con người*”, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [45] Nguyễn Đăng Thục (1991), *Lịch sử triết học phương Đông, tập II, Trung Hoa thời kỳ hoàn thành của triết học (từ Chiến quốc đến Tiền Hán)*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
- [46] Nguyễn Tài Thư (2002), “Nho giáo và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, số 5.
- [47] An Mạnh Toàn (dịch) “*con người- những ý kiến mới về một đề tài cũ*”, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
- [48] Trí Tuệ (2003), *Khổng Tử, tư tưởng và sách lược*, Nxb. Mũi Cà Mau.
- [49] Triển khai nghị quyết Đại hội X trong lĩnh vực khoa giáo (2006), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
- [50] Nguyễn Văn Trung (2006), “Không chấp nhận một thầy giáo xấu xa như vậy”, *Vn Express*, ngày 31/07.
- [51] GS. Trương Lập Văn (chủ biên) (1999), *Tâm, Triết học Phương Đông (từ sách tinh hoa về các phạm trù triết học Trung Quốc)*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

- [52] GS. Trương Lập Văn (chủ biên) (1998), *Đạo, Triết học Phương Đông (từ sách tinh hoa về các phạm trù triết học Trung Quốc)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [53] Nguyễn Khắc Viện (1993), *Bàn về Đạo Nho*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
- [54] Zaou Nanfhao (1946), Những đứa con của Khổng Tử, Tạp chí người đưa tin UNESCO, số 4, tr. 32 – 35.
- [55] [Wikipedia.org/wiki/Khổng_Tử](https://vi.wikipedia.org/wiki/Khổng_Tử).

